



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG
806 Âu Cơ, P.14, Q.TB, TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11.25

CV/VID-HĐQT

TP.HCM, ngày 14 tháng 04 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
- Mã chứng khoán: VID
- Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880
- E-mail: info@dautuviendong.vn Website: <https://dautuviendong.vn>
- Nội dung thông tin công bố : Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông xin công bố : Báo cáo thường niên năm 2024
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/04/2025 tại đường dẫn : www.dautuviendong.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2024

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Bùi Quang Khoa



VIDON CORP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	06
Quá trình hình thành và phát triển	08
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	12
Định hướng phát triển	16
Các yếu tố rủi ro	20

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	26
Tổ chức và nhân sự	28
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	34
Báo cáo phát triển bền vững	36
Tình hình tài chính	46
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	54
Tình hình tài chính	56
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	58
Kế hoạch phát triển trong tương lai	59

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	62
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	64
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	65

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	68
Ban Kiểm soát	74
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	78

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán	88
Báo cáo tài chính được kiểm toán	90



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	08
Quá trình hình thành và phát triển	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	13
Định hướng phát triển	16
Các yếu tố rủi ro	20



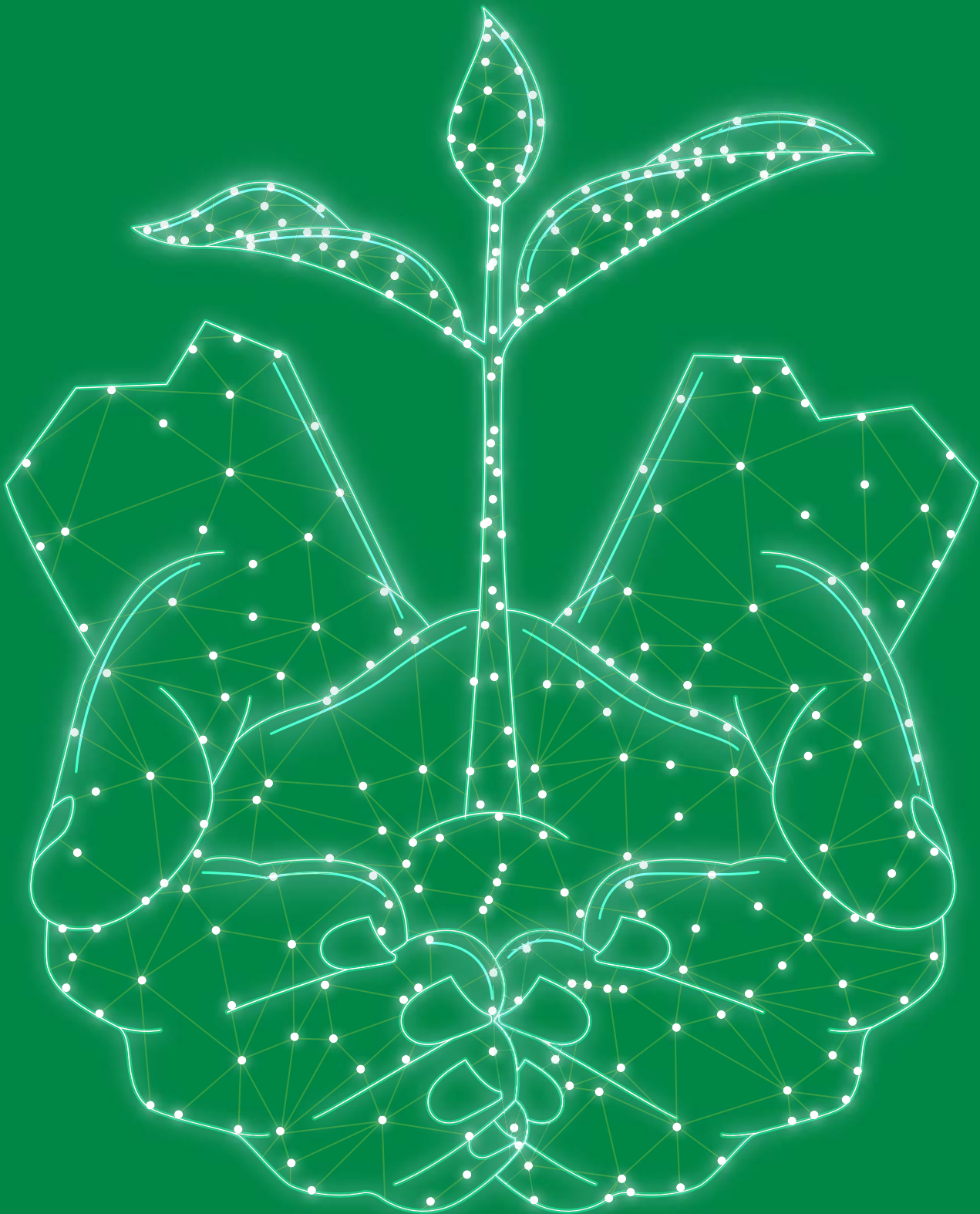
THÔNG TIN KHÁI QUÁT



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Tên tiếng anh	VIEN DONG INVESTMENT DEVELOPMENT TRADING CORPORATION
Tên viết tắt	VIDON CORP
Mã chứng khoán	VID
Sàn niêm yết	HOSE
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 24/10/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 05/08/2022
Vốn điều lệ	408.360.690.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	408.360.690.000 đồng
Trụ sở chính	Số 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	(028) 38428633
Fax	(028) 38425880
Website	www.dautuviendong.vn
Công ty kiểm toán độc lập	Công ty TNHH Kiểm toán FAC

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Từ năm 2023 đến nay

Công ty tiếp tục đạt được sự phát triển ổn định và bền vững thông qua việc duy trì và tăng cường hiệu suất kinh doanh cùng với cam kết thực hiện nghĩa vụ chi trả cổ tức 5% bằng tiền cho cổ đông.

2020 - 2022

Với sự phát triển bền vững, thành công trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính trong 3 năm liên tục từ năm 2020 đến năm 2022 Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức lần lượt qua các năm là 10%, 15% và 15% tăng vốn điều lệ từ 208,7 tỷ đồng lên 408,36 tỷ đồng.

2019

Công ty đã tận dụng cải tạo và sửa chữa các hạng mục công trình hiện có trở thành Trường trung học phổ thông Việt Mỹ Anh địa chỉ tại 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình và chính thức đưa trường vào hoạt động từ tháng 08/2019.

2018

Công ty bầu bổ sung thêm thành viên độc lập HĐQT, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức, Quy chế nội bộ để nâng cao quản trị và hệ thống pháp lý. Trong năm Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho năm tài chính 2017 với tỷ lệ 20% (bao gồm 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu).

2017

Hoàn thành cơ bản việc tái cơ cấu doanh nghiệp và tái cơ cấu tài chính, chuyển đổi doanh nghiệp theo mô hình holdings.

2009

Công ty chính thức đổi tên thành CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông.

1974

Công ty chính thức được thành lập vào ngày 15/04/1974 với tên gọi Viễn Đông Kỹ nghệ Giấy Công ty (VIDOGICO).

2000

Lần gió đổi mới toàn diện và cổ phần hóa theo chủ trương của nhà nước một cách hiệu quả đã giúp cho Công ty Viễn Đông vươn lên mạnh mẽ, trở thành doanh nghiệp có uy tín cao đối với khách hàng trong và ngoài nước.

2006

Ngày 25/12/2006, Công ty chính thức được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VID.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- 

1 Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm từ giấy
- 

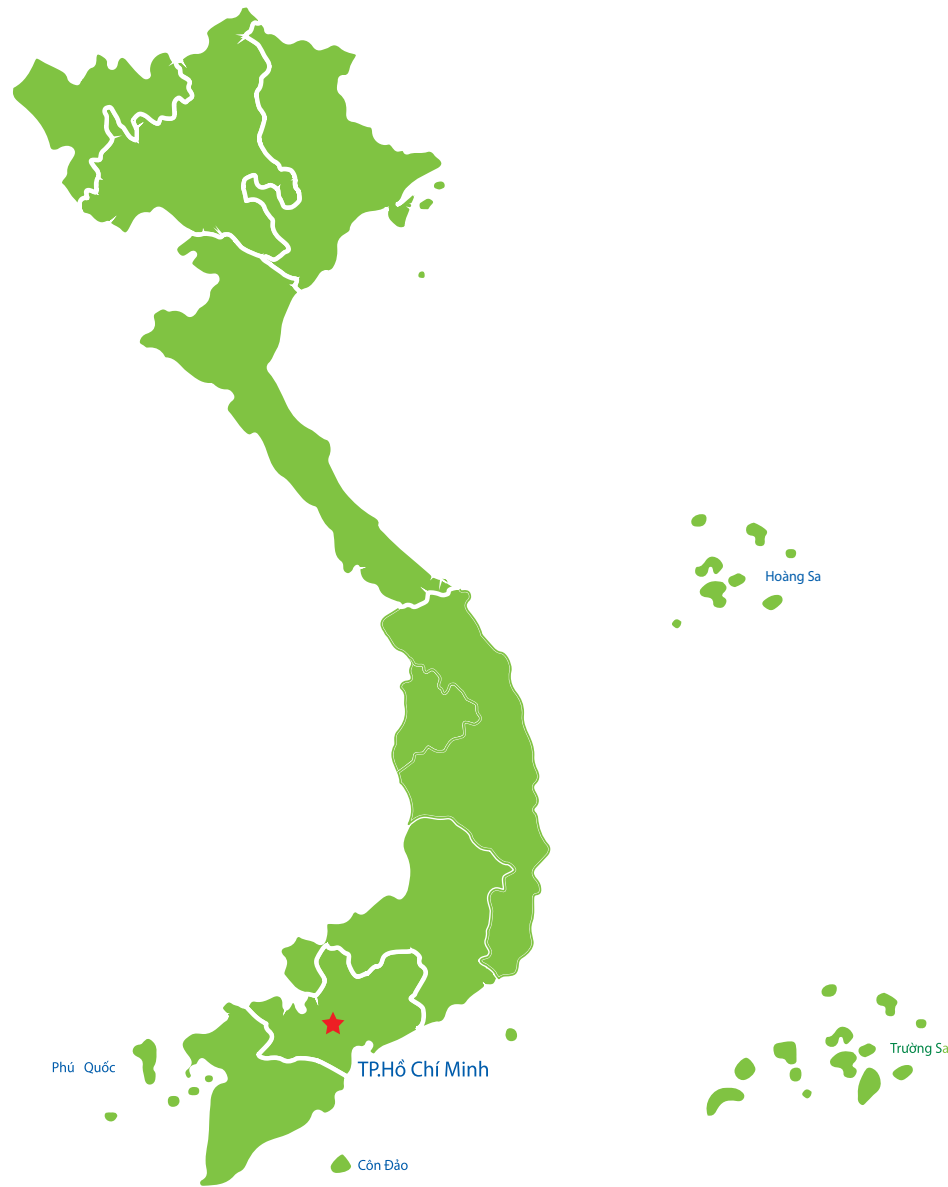
2 Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết
- 

3 Giáo dục các bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Giáo dục hướng nghiệp tâm lý học đường.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh cũng như thị trường mà CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông đang hoạt động hiện nay trải dài từ các tỉnh miền trung vào miền nam. Trong đó, địa bàn hoạt động trọng điểm của Công ty là tại TP. Hồ Chí Minh.

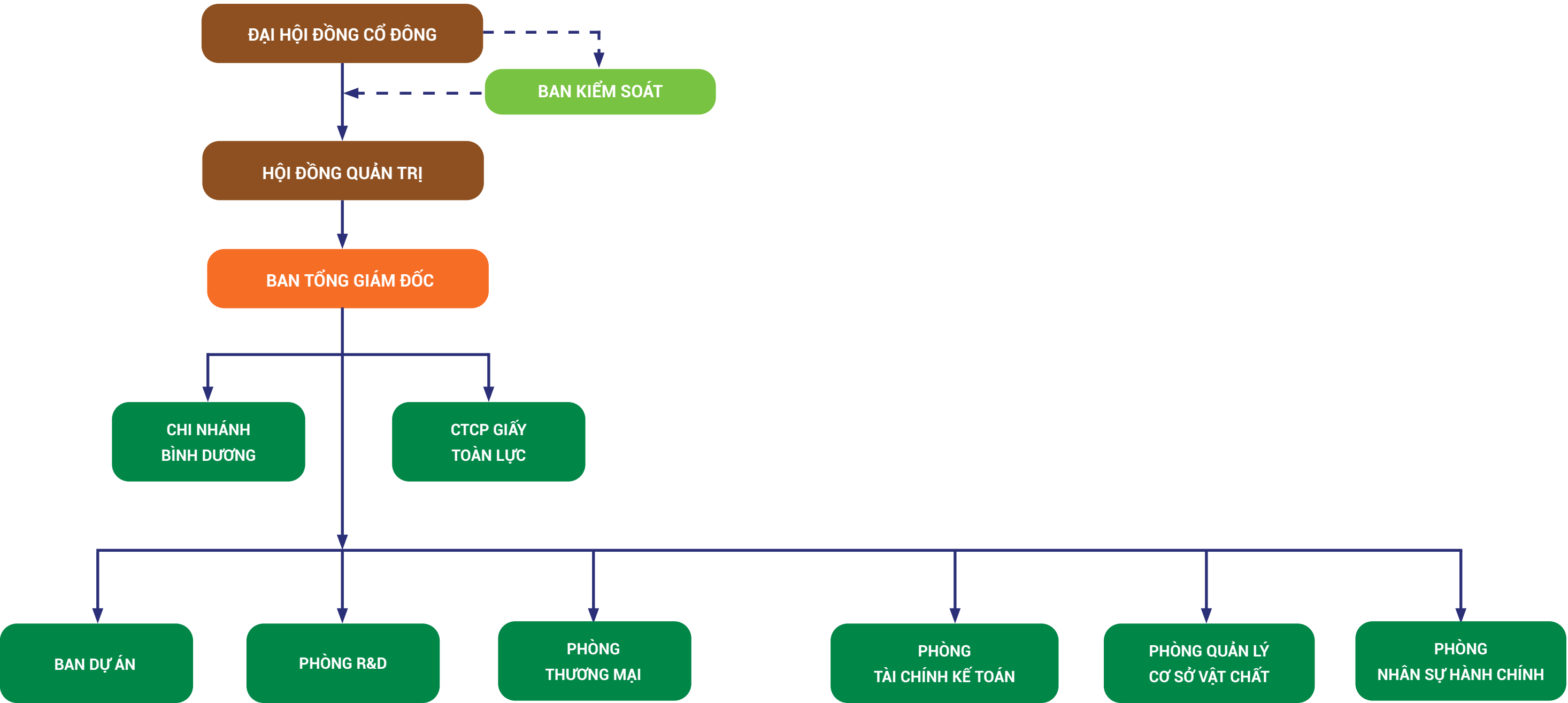


Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, mô hình quản trị công ty gồm: ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

CÔNG TY CON

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu của VID
I	CÔNG TY CON				
1	CTCP Giấy Toàn Lực	Lô A2-8, Đường N5, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, Huyện Thương mại xuất nhập khẩu Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam		184.887.018.700	51,03%

CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu của VID
II	CÔNG TY LIÊN KẾT				
1	CTCP Ấn Tượng Việt	Lầu 2, số 84, Khu phố 4, Đường 30-4, Phường Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai	Kinh doanh khu du lịch sinh thái, vui chơi giải trí, hoạt động bảo tồn, bảo tàng, tổ chức sự kiện , giáo dục văn hóa nghệ thuật	30.000.000.000	30%
2	CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	102A Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh	Văn hóa, giáo dục	33.745.517.000	33,27%
3	CTCP Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	29 Phan Đình Phùng, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	Làm đại lý mua bán vật tư văn hóa thông tin, VPP, Mỹ phẩm tặng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ chơi trẻ em và cho thuê văn phòng	14.841.400.000	32,98%
4	CTCP Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh	Giáo dục mầm non, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, đào tạo ngoại ngữ và tin học	49.232.000.000	28,33%
5	CTCP Chè Minh Rồng	Khu 1B, Thị trấn Lộc Thắng, Huyện Bảo Lâm, Lâm Đồng	Trồng, Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu chè, cà phê, nông sản, chăn nuôi bò sữa	4.749.311.440	27,04%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH
GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN

Với phương châm Giáo dục là nền móng cho sự phát triển bền vững của một quốc gia, CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông luôn phấn đấu trở thành một tổ chức đầu tư có uy tín nhất trong lĩnh vực phát triển hạ tầng và công nghệ có liên quan đến Giáo dục. Chúng tôi tin rằng giá trị lớn nhất của xã hội nằm ở con người, sự tương tác quan trọng nhất là giữa người với người và tương lai của một đất nước phụ thuộc vào những con người trẻ



SỨ MỆNH

Dù ở trong bất kỳ bối cảnh xã hội nào, chúng tôi vẫn tin tưởng một cách xác tín rằng doanh nghiệp vẫn luôn có thể kinh doanh bằng sự TỬ TẾ, giữ vững tâm thế người KIẾN TẠO và dựa trên một nền tảng CHÍNH TRỰC. Thông điệp “VIỄN ĐÔNG - VÌ CỘNG ĐỒNG” muốn nhắn gửi rằng công ty vốn chưa bao giờ là một cá thể độc lập. Chúng tôi tồn tại để lan tỏa và cộng hưởng các giá trị nhằm tạo ra những điểm tác động lớn hơn, nhằm đến những vấn đề nhức nhối hơn và mong muốn góp phần gây dựng một thể hệ trẻ Việt Nam sống đoàn kết và đầy thao thức phụng sự Đất Nước.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Các mục tiêu chủ yếu để hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững dài hạn của công ty, bao gồm:



Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài, vững chắc



Tiếp tục chuyển đổi hoạt động doanh nghiệp gắn kết với tái cơ cấu tài chính, để trở thành một công ty holdings ngày càng lớn mạnh;



Soát xét các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty con và các Công ty liên kết, tăng cường hiệu quả đầu tư. Đẩy mạnh đầu tư vào các Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực giáo dục với nhiều tiềm năng phát triển, tỷ suất lợi nhuận cao và ổn định lâu dài;

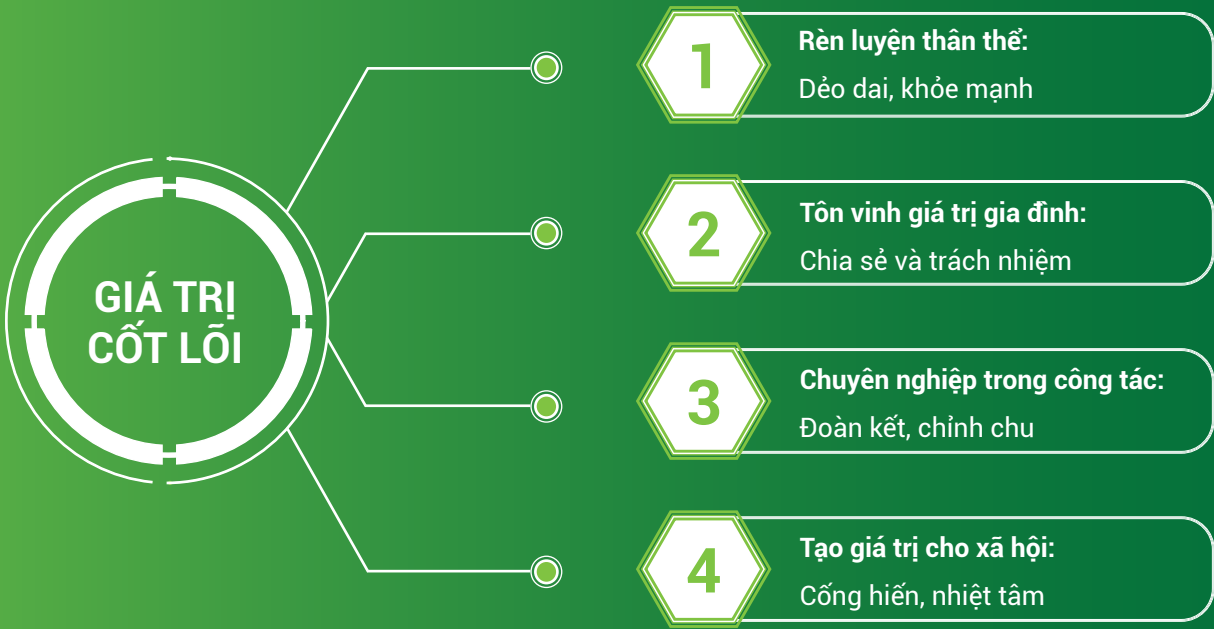


Duy trì và phát triển văn hoá doanh nghiệp, thương hiệu Viễn Đông trên thị trường Việt Nam và các nước trong khu vực;



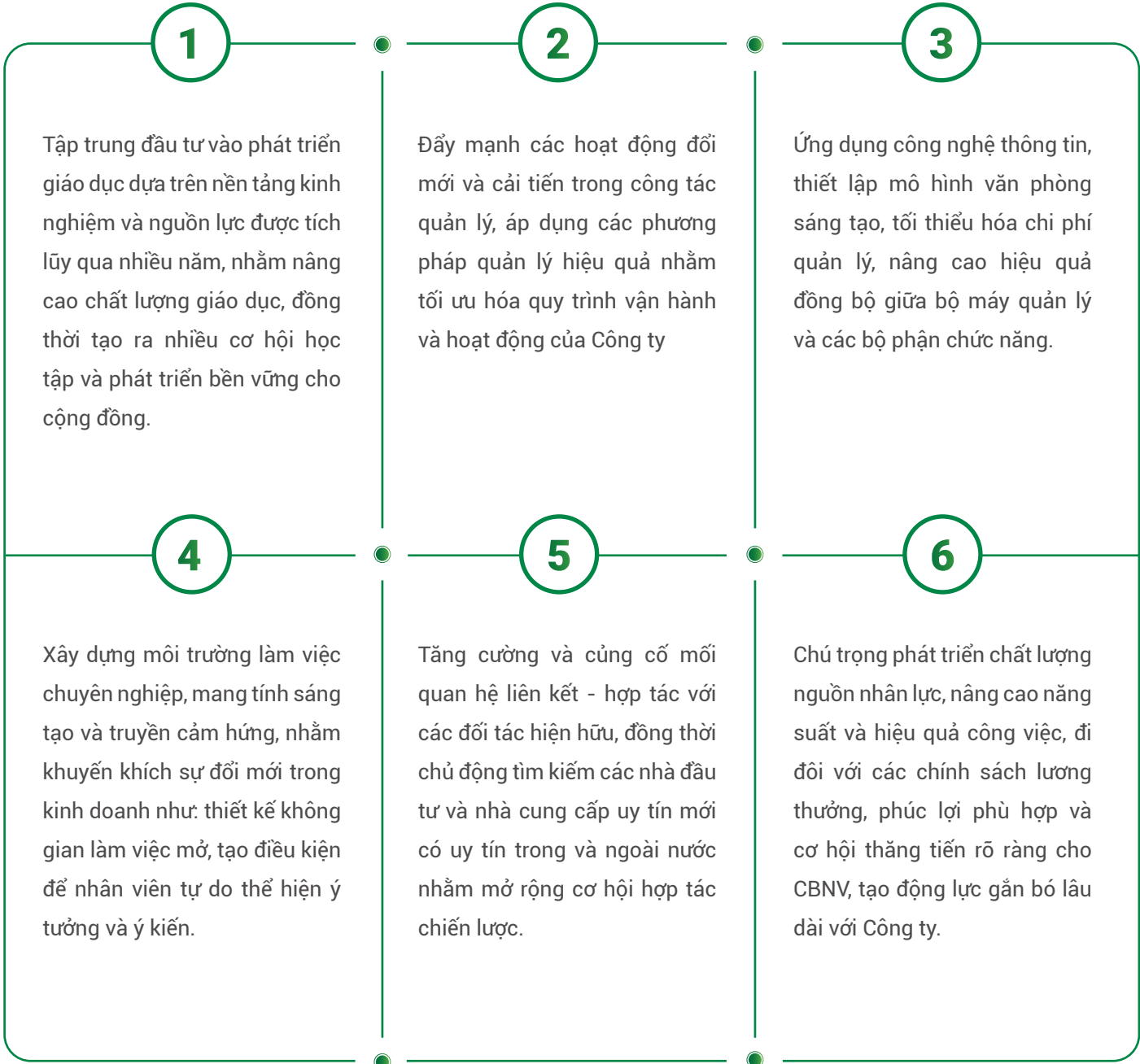
Tôn trọng và bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của cổ đông, nhà đầu tư: công bố thông tin về hoạt động Đầu tư - Kinh doanh - Tài chính theo quy định của pháp luật.

Trên tinh thần đề cao sự cộng tác, tính chuyên nghiệp và thể hiện được thông điệp sứ mệnh quan trọng của công ty: “Vì Cộng Đồng”, tất cả những hoạt động của chúng tôi nhấn mạnh vào 4 giá trị cốt lõi:



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Với tinh thần Viễn Đông - Vì cộng đồng, công ty nhận thức và cam kết rằng, tất cả hoạt động của công ty đều liên quan đến trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng, là phần không thể tách rời trong hệ thống quản lý và văn hóa công ty.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

- Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong toàn bộ quy trình sản xuất và kinh doanh, hạn chế tối đa việc sử dụng nguyên liệu và vật liệu chứa thành phần độc hại. Công ty tích cực chuyển sang sử dụng giấy tái chế và nguyên liệu xanh, thân thiện với môi trường, đồng thời triển khai các quy trình sản xuất tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu phát thải khí nhà kính.
- Bên cạnh đó, Công ty tổ chức các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, khuyến khích sự tham gia tích cực vào các hoạt động ủng hộ và tuyên truyền vì môi trường. Công ty cũng không ngừng phát triển các sản phẩm giấy và bì giấy thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong khi vẫn đảm bảo một môi trường xanh và một xã hội phát triển bền vững.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- Trong suốt quá trình phát triển, Công ty luôn theo đuổi chiến lược chia sẻ giá trị và đóng góp tích cực vào cộng đồng. Công ty đã và đang triển khai nhiều hoạt động trách nhiệm xã hội, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan chính quyền địa phương, đối tác và cộng đồng để thực hiện các dự án phát triển bền vững và các chương trình thiện nguyện. Những hoạt động này không chỉ giúp nâng cao nhận thức và năng lực xã hội mà còn lan tỏa tinh thần sẻ chia, hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn, góp phần xây dựng một cộng đồng gắn kết và vững mạnh.
- Trách nhiệm xã hội của Công ty thể hiện qua việc xây dựng một môi trường làm việc tích cực, khuyến khích sự hợp tác và chia sẻ ý tưởng giữa các nhân viên thông qua không gian làm việc mở. Để tạo động lực phát triển lâu dài cho đội ngũ nhân viên, Công ty xây dựng chính sách phúc lợi hợp lý, đảm bảo quyền lợi và phát triển nghề nghiệp bền vững. Đây là yếu tố không chỉ giúp đảm bảo công việc ổn định mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh và cải thiện chất lượng cuộc sống cho nhân viên, vì Công ty coi nhân sự là tài sản quý giá không chỉ của riêng mình mà còn của toàn xã hội.
- Với cam kết chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng, Công ty phối hợp cùng các tổ chức, đối tác uy tín để tổ chức các hoạt động thiện nguyện. Những hoạt động này luôn nhận được sự tham gia nhiệt tình của Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên, cùng chung tay góp phần xây dựng một cộng đồng phát triển và ổn định.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

Theo Tổng cục Thống kê, GDP Việt Nam năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước, vượt mục tiêu 6-6,5% đã đề ra, và chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011 – 2024, thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế rất đáng khích lệ trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang suy giảm. Hoạt động sản xuất của Việt Nam trong năm 2024 cũng diễn ra tương đối sôi nổi, theo số liệu từ S&P Global, Việt Nam là một trong những quốc gia có chỉ số PMI sản xuất bình quân trong năm 2024 cao nhất trong khu vực, đạt mức 51.2, cao hơn đa số các quốc gia trong khối ASEAN và các quốc gia phát triển khác như Nhật Bản, Hoa Kỳ và châu Âu. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023, dưới mức mục tiêu Quốc hội đề ra, trong đó chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 5,37% do một số địa phương tăng học phí. Nhìn chung, nền kinh tế Việt Nam trong năm 2024 tăng trưởng khá tốt, điều này tạo thuận lợi lớn cho các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm vừa qua.

Tuy nhiên, trong khi Việt Nam là một trong số ít những quốc gia giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định, các quốc gia trong khu vực và trên thế giới đã phải trải qua một năm 2024 nhiều khó khăn do các bất ổn về chính trị, xung đột vũ trang kéo dài. Dù Chính phủ và Ngân hàng Trung ương của nhiều quốc gia trên thế giới đã tung ra nhiều gói chính sách tiền tệ và tài khóa có quy mô lớn nhằm hỗ trợ nền kinh tế, tuy nhiên nguy cơ suy thoái kinh tế vẫn diễn ra tại nhiều quốc gia khu vực châu Âu và châu Á. Trong đó, ngành sản xuất công nghiệp toàn cầu chịu nhiều áp lực, thể hiện qua chỉ số PMI sản xuất và tăng trưởng IIP ngành sản xuất tại các khu vực kinh tế lớn như EU, Mỹ và Trung Quốc trong năm 2024 suy

yếu nghiêm trọng, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm công nghiệp và tình hình sản xuất tại nhiều quốc gia còn nhiều hạn chế. Vì vậy, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2024 gặp nhiều khó khăn trong việc bán hàng sang các thị trường nước ngoài, trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ từ những thị trường lớn vẫn chưa phục hồi do các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động kinh doanh không hiệu quả, dẫn đến cắt giảm chi phí đầu vào nhằm cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh.

Hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào các sản phẩm giấy và giáo dục, Công ty Viễn Đông chịu sự tác động không nhỏ từ các yếu tố vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, lạm phát và lãi suất. Bên cạnh đó, vì có mạng lưới đối tác và khách hàng quốc tế, những biến động kinh tế toàn cầu cũng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro và bảo vệ hoạt động kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát sao diễn biến thị trường, từ đó đưa ra các chính sách linh hoạt và kịp thời. Điều này giúp Công ty chủ động ứng phó với các thay đổi tiêu cực, bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững trong mọi tình huống.



RỦI RO TỶ GIÁ

Trong năm 2024, lạm phát tại nhiều khu vực kinh tế lớn trên thế giới đã giảm đáng kể so với năm 2023, lạm phát sụt giảm là cơ sở cho nhiều Ngân hàng Trung ương trên thế giới thực hiện thêm những chính sách tiền tệ nới lỏng nhằm hỗ trợ cho nền kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang bị chững lại vài năm trở lại gần đây. Cụ thể, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã giảm lãi suất 3 lần trong năm 2024, từ mức 5,5% xuống 4,25% - 4,5% để hỗ trợ kinh tế, Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) cũng đã giảm lãi suất 4 lần trong năm 2024.

Lãi suất của Mỹ và các quốc gia trên thế giới giảm trong năm 2024 phần nào đã hỗ trợ thu hẹp chênh lệch lãi suất của Việt Nam so với các nước khác khi trong bối cảnh NHNN đã hạ lãi suất từ đầu năm 2023, sớm hơn rất nhiều so với nhiều quốc gia khác, điều này làm giảm áp lực tỷ giá cho Việt Nam. Tuy nhiên, tỷ giá USD/VND nhìn chung vẫn chịu áp lực tăng trong năm 2024, tăng lên mức cao 25.551 tại ngày 31/12 (theo tỷ giá Vietcombank). Nguyên nhân là do: (i) chỉ số DXY vẫn neo ở mức cao, có thời điểm tăng lên mức 108,54 (theo số liệu từ Tradingview), và là mức cao nhất trong 2 năm, (ii) nhu cầu ngoại tệ của các doanh nghiệp trong nước tăng mạnh do nhập khẩu nguyên vật liệu nhằm phục vụ cho mùa sản xuất cuối năm, (iii) Kho bạc Nhà nước mua một lượng lớn USD để trả nợ nước ngoài.

Đối với hoạt động xuất nhập khẩu giấy tại Công ty con mà Viễn Đông đang đầu tư, do phải nhập khẩu nhiều nguyên liệu từ nước ngoài và xuất khẩu sản phẩm sang nhiều thị trường khác nhau, tỷ giá tăng sẽ gia tăng chi phí nguyên vật liệu đầu vào, tuy nhiên cũng sẽ hỗ trợ cho Công ty trong hoạt động xuất khẩu sang các thị trường

nước ngoài. Do đó, biến động của tỷ giá, đặc biệt là tỷ giá VND/USD có tác động không nhỏ đến quyết định, chính sách mua bán và tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của công ty. Trong năm 2024, mặc dù tỷ giá chịu áp lực tăng khá lớn, tuy nhiên phía Công ty đã chủ động nhập hàng, quản lý hàng tồn kho hợp lý nên chi phí nguyên liệu đầu vào giữ ở mức ổn định.

Trong bối cảnh biến động khó lường của thị trường, dự báo về biến động tỷ giá trở nên khó khăn hơn, đặt ra một thách thức cho hoạt động kinh doanh của công ty, đòi hỏi sự linh hoạt và chủ động trong công tác quản trị rủi ro. Công ty đã có các biện pháp ứng phó như theo dõi, giám sát liên tục diễn biến thị trường và phối hợp chặt chẽ với Công ty con, đồng thời đưa ra các giải pháp phương án kịp thời nhằm hạn chế rủi ro về tỷ giá.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO



RỦI RO PHÁP LUẬT

Là một công ty cổ phần với cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Viễn Đông chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp lý bao gồm các luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Thương mại, cùng các nghị định, thông tư và các văn bản pháp lý liên quan khác. Bên cạnh đó, trong quá trình mở rộng đầu tư và hợp tác kinh doanh, công ty có thể gặp phải các rủi ro liên quan đến hợp đồng và tranh chấp pháp lý, do phải làm việc với nhiều bên liên quan, bao gồm cơ quan quản lý, đối tác, nhà cung cấp và khách hàng.

Đặc biệt, đối với lĩnh vực giáo dục, Công ty còn phải tuân thủ Luật Giáo dục và các quy định từ Bộ Giáo dục, cùng những thay đổi trong chương trình giáo dục và đào tạo của các cấp, điều này ảnh hưởng đến các hoạt động đầu tư trong lĩnh vực này. Ngoài ra, với hoạt động kinh doanh không chỉ trong nước mà còn xuất khẩu và mở rộng ra thị trường quốc tế, Công ty cũng phải đối mặt với các rủi ro pháp lý quốc tế. Các quy định như chính sách thuế quan, bảo hộ thương mại, và vấn đề sở hữu trí tuệ tại các thị trường nước ngoài là những yếu tố cần được Công ty đặc biệt quan tâm.

Để giảm thiểu các rủi ro và đảm bảo tuân thủ pháp luật, Công ty luôn chủ động cập nhật và nghiên cứu các thông tin pháp lý liên quan đến nền kinh tế và đặc thù ngành nghề. Điều này giúp Công ty điều chỉnh cơ chế vận hành phù hợp với các quy định pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, Công ty tăng cường hợp tác chặt chẽ với các cơ quan quản lý để đảm bảo sự minh bạch và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh. Việc này không chỉ giúp Công ty tránh được những rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh doanh mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh và xây dựng nền tảng kinh doanh vững mạnh, phù hợp với định hướng phát triển của đất nước.



RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Viễn Đông tập trung vào hai lĩnh vực kinh doanh chính là thương mại giấy và đầu tư giáo dục. Cả hai lĩnh vực này đều mở ra nhiều cơ hội lớn, nhưng cũng mang đến một số rủi ro đáng kể. Trong lĩnh vực thương mại giấy, Công ty phải đối mặt với thách thức do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao và sự biến động mạnh mẽ của thị trường. Để đối phó hiệu quả với tình hình này, Viễn Đông đã thực hiện các chiến lược quản lý tồn kho linh hoạt, tối ưu hóa chi phí mà vẫn duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Viễn Đông cũng chú trọng vào việc xây dựng và duy trì các mối quan hệ hợp tác bền vững với các nhà cung cấp. Điều này giúp đảm bảo nguồn cung nguyên liệu ổn định, góp phần đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Rủi ro môi trường là một yếu tố quan trọng đang ngày càng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất giấy mà Công ty đang đầu tư thông qua các công ty con. Viễn Đông luôn coi trọng trách nhiệm bảo vệ môi trường là một phần trong chiến lược phát triển bền vững của mình. Công ty không chỉ tuân thủ đầy đủ các quy định và tiêu chuẩn pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường mà còn chủ động áp dụng các công nghệ tiên tiến và giải pháp hiệu quả trong quá trình sản xuất và kinh doanh để giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Sự cam kết của Công ty đối với việc bảo vệ môi trường không chỉ nâng cao uy tín mà còn góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh, đảm bảo sự phát triển lâu dài và bền vững trong tương lai.



RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Ngoài những rủi ro phi hệ thống, các nhân tố như chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai và dịch bệnh đều là những rủi ro hệ thống mà Công ty không thể kiểm soát và quản lý. Dù những sự kiện này hiếm khi xảy ra, nhưng mỗi khi xuất hiện, chúng có thể gây ra những thiệt hại nghiêm trọng đối với tài sản, nhân sự và hoạt động kinh doanh của công ty.

Để giảm thiểu những hậu quả từ rủi ro hệ thống này, Công ty thực hiện đánh giá, dự phóng quy mô và tác động các loại rủi ro này đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời đưa ra các phương án dự phòng cụ thể nhằm giảm thiểu tối đa các thiệt hại xảy ra. Việc thực hiện các biện pháp dự phòng giúp công ty tránh được những thiệt hại không đáng có và giữ cho hoạt động kinh doanh luôn được duy trì ổn định.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	26
Tổ chức và nhân sự	28
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	34
Báo cáo phát triển bền vững	36
Tình hình tài chính	46
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	50



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2024

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2024	KH 2024	(%) TH2023/ KH2024	% (+/-) TH 2024/ TH 2023
Tổng doanh thu và thu nhập khác	1.354.184	1.226.975	1.160.000	105,77%	-9,39%
Lợi nhuận trước thuế	44.722	11.368	45.000	25,26%	-74,58%
Lợi nhuận sau thuế	38.083	9.608	-	-	-74,77%
Tỷ suất LNST/doanh thu thuần(%)	2,90%	0,81%	-	-	-72,15%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/CP)	516	170	-	-	-67,05%

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng giảm năm 2024 so với năm 2023
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Giá vốn hàng bán	1.207.966	92,05%	1.115.826	93,86%	-7,63%
Chi phí tài chính	30.100	2,29%	28.383	2,39%	-5,70%
Chi phí bán hàng	32.829	2,50%	30.801	2,59%	-6,18%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.165	2,83%	40.546	3,41%	9,10%
Chi phí khác	1.401	0,11%	51	0,00%	-96,38%
Tổng chi phí	1.309.462	99,78%	1.215.607	102,25%	-7,17%

Trong năm 2024, tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty đạt 1.226,98 tỷ đồng, giảm 9,39% so với năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu của sự sụt giảm này là do sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường, dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm. Bên cạnh đó, việc gia tăng giá nguyên vật liệu đầu vào trong năm, sự biến động của tỷ giá, cùng với chi phí vận chuyển tăng cao, đã tác động đáng kể đến kết quả kinh doanh của Công ty. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 11,37 tỷ đồng và 9,61 tỷ đồng, tương ứng giảm 74,58% và 74,77% so với năm 2023.

Đối với hoạt động kinh doanh giấy của công ty con, trước sự cạnh tranh về giá bán trong thị trường giấy, để ổn định doanh thu và duy trì mối quan hệ lâu dài với các khách hàng truyền thống đã gắn bó trong nhiều năm, Công ty đã điều chỉnh giá bán cho phù hợp tại từng thời điểm. Tuy nhiên, điều này đã dẫn đến tỷ lệ lợi nhuận gộp giảm so với cùng kỳ.

Dù gặp phải những khó khăn trên, Công ty vẫn quản lý tốt các loại chi phí trọng yếu khác. Cụ thể, chi phí bán hàng và chi phí tài chính lần lượt đạt 30,8 tỷ đồng và 28,38 tỷ đồng, giảm 6,18% và 5,70% so với cùng kỳ năm 2023. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh ổn định của các công ty liên doanh, liên kết trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục đã giúp giảm bớt áp lực cho lợi nhuận của Công ty.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	501.604	1,23%
2	Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	2.914.773	7,14%
3	Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng	1.745.667	4,27%

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG BÙI QUANG MINH
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 24/01/1986
- Địa chỉ thường trú: 3 Trần Quý Khoách, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Từ 2008 đến 2013	Trợ lý HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
Từ 2010 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư Phát triển CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông
Từ 2013 đến 2015	Phó Giám đốc Điều hành - Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Bao bì MM Vidon
Từ 10/2015 đến 10/2024	Chủ tịch HĐQT CTCP Giấy Toàn Lực
Từ 08/2016 đến 04/2022	Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
Từ 04/2022 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư Phát triển CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông
Số cổ phần nắm giữ	501.604 cổ phần, chiếm 1,23% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan

Tên	Mối Quan hệ	Số lượng, tỷ lệ sở hữu
Ông Bùi Quang Mẫn	Cha	6.736.924 cổ phần, chiếm 16,49% vốn điều lệ
Bà Nguyễn Thị Thu	Mẹ	2.914.773 cổ phần, chiếm 7,14% vốn điều lệ



BÀ NGUYỄN THỊ THU
Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 12/01/1959
- Địa chỉ thường trú: 3 Trần Quý Khoách, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế, Cử nhân quản lý kinh tế

Quá trình công tác

Từ 2004 đến 2006	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Giấy Viễn Đông
Từ 2006 đến 04/2022	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
Từ 2008 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Thương mại Toàn Lực
Từ 04/2022 đến nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Thương mại Toàn Lực
Số cổ phần nắm giữ	2.914.773 cổ phần, chiếm 7,14% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan

Tên	Mối Quan hệ	Số lượng, tỷ lệ sở hữu
Bùi Quang Mẫn	Chồng	6.736.924 cổ phần, chiếm 16,49% vốn điều lệ
Bùi Quang Minh	Con	501.604 cổ phần, chiếm 1,23% vốn điều lệ
CTCP Thương mại Toàn Lực	Tổ chức có liên quan	3.230.053 cổ phần, chiếm 7,91% vốn điều lệ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



BÀ NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN

Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 02/07/1977
- Địa chỉ thường trú: 81/1/2 Huỳnh Mẫn Đạt, P.19, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

Từ 2001 đến 2009	Nhân viên phòng Tài chính kế toán CTCP Thương mại Toàn Lực
Từ 2010 đến 2016	Kế toán trưởng CTCP Thương mại Toàn Lực
Từ 2017 đến 09/2019	Kế toán trưởng CTCP Giấy Toàn Lực
Từ 11/2020 đến nay	Phó Giám đốc tài chính CTCP Giấy Toàn Lực
Từ 10/2019 đến nay	Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
Từ 10/2024 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Giấy Toàn Lực

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác

Phó giám đốc tài chính CTCP Giấy Toàn Lực
Chủ tịch HĐQT CTCP Giấy Toàn Lực

Số cổ phần nắm giữ 1.745.667 cổ phần, chiếm 4,27% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan

Tên	Mối Quan hệ	Số lượng, tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Minh Hùng	Chồng	17.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2024

Không có

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Năm 2023		Năm 2024	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ	27	100%	26	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	19	70%	18	69%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	5	19%	5	19%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	0	0%	0	0%
4	Lao động phổ thông	3	11%	3	12%
B	Theo giới tính	27	100%	26	100%
1	Nam	18	67%	15	58%
2	Nữ	9	33%	11	42%
C	Theo thời hạn hợp đồng lao động	27	100%	26	100%
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	7	26%	7	27%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	20	74%	19	73%
Tổng cộng		27	100%	26	100%



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

“
Nguồn nhân lực đóng vai trò hạt nhân trong chiến lược phát triển bền vững của Viễn Đông. Nguồn nhân lực chuyên nghiệp, lành nghề sẽ giúp Công ty duy trì lợi thế và đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, đảm bảo công việc ổn định, chăm lo các chế độ, chính sách và đảm bảo chất lượng cuộc sống của người lao động cũng là cách thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
”

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Công ty luôn ưu tiên nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt trong đào tạo và phát triển kỹ năng. Năm 2024, Công ty triển khai các chính sách đào tạo cá nhân hóa dựa trên nhu cầu từng nhân viên, đồng thời đầu tư vào các khóa đào tạo chuyên môn và nâng cao ngoại ngữ. Những nỗ lực này không chỉ giúp xây dựng đội ngũ mạnh mẽ mà còn tạo cơ hội cho mỗi cá nhân phát huy tối đa tiềm năng. Một số khóa đào tạo tiêu biểu của Công ty bao gồm: IELTS Viễn Đông, Quản trị Cuộc đời, Nấu ăn, Văn hóa Doanh nghiệp,...

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Chiến lược tuyển dụng của Công ty tập trung vào thu hút nhân sự trẻ, đặc biệt là các sinh viên mới ra trường, có đam mê phát triển bản thân và nghề nghiệp. Công ty ưu tiên những ứng viên nhiệt huyết, có ý chí cầu tiến và sẵn sàng học hỏi, đồng thời không quá chú trọng vào kinh nghiệm, nhằm tạo điều kiện phát triển cho thế hệ trẻ. Công ty chú trọng phát triển tiềm năng của nhân sự, tạo môi trường làm việc để mỗi cá nhân phát huy tối đa khả năng.

VIỆC LÀM - MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

- Không gian làm việc được thiết kế với tâm huyết, nhằm tạo nên một không gian làm việc lý tưởng, kích thích sự sáng tạo và tối ưu hóa hiệu suất công việc. Các khu vực làm việc được thiết kế linh hoạt, hỗ trợ cả công việc cá nhân và tương tác nhóm, khuyến khích sự giao lưu và chia sẻ kiến thức giữa các nhân viên. Bên cạnh đó, không gian giải trí và thư giãn cũng được chú trọng, với mục tiêu tạo ra một môi trường làm việc cân bằng và hạnh phúc, nơi mỗi nhân viên có thể phát huy hết khả năng của mình.
- Môi trường làm việc mang đậm tính chân thật, tôn trọng lẫn nhau trong nội bộ Công ty. Nhân viên và các ứng viên tại Công ty Viễn Đông Viễn Đông được đánh giá trên nguyên tắc công tâm và không phân biệt đối xử.



VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

- Chính sách lương, thưởng và phúc lợi của Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Lao động và các tiêu chuẩn do Công đoàn đề ra. Bên cạnh đó, Công ty còn áp dụng các chính sách lương, thưởng linh hoạt theo năng lực, đồng thời duy trì chế độ thưởng xứng đáng cho nhân sự có thâm niên đóng góp. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ trực tiếp, tạo điều kiện cho người lao động đóng góp ý kiến vào các chính sách mới của Công ty.
- Năm 2024 là một năm khó khăn đối với nhiều doanh nghiệp, nhưng Công ty đã vượt qua thách thức và đạt được nhiều kết quả tích cực, duy trì

mức lương bình quân là 18,9 triệu đồng/tháng, tăng hơn 15,24% so với năm 2023.

- Bên cạnh đó, Công ty cũng quan tâm đến việc phát triển sức khỏe và tinh thần làm việc của nhân viên thông qua việc tổ chức các hoạt động thể thao đa dạng. Điều này không chỉ giúp nhân viên giữ gìn sức khỏe mà còn tạo sự gắn kết, chia sẻ và phát triển giữa các nhân viên trong một môi trường làm việc năng động và tích cực.

THU NHẬP BÌNH QUÂN QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	12,1	16,4	18,9

VỀ CHÍNH SÁCH AN TOÀN, BẢO HỘ LAO ĐỘNG

- Chính sách bảo vệ và an toàn cho người lao động của Công ty được xây dựng dựa trên sự quan tâm sâu sắc đến sức khỏe và an toàn của mỗi nhân viên. Công ty tổ chức các khóa đào tạo bài bản về an toàn lao động, nhằm nâng cao nhận thức và kiến thức cần thiết cho mọi cá nhân. Đồng thời, Công ty trang bị đầy đủ trang phục và thiết bị bảo hộ cá nhân, đảm bảo phù hợp và đáp ứng yêu cầu của từng loại công việc cụ thể.
- Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng vào việc tập huấn kỹ năng phòng cháy chữa cháy (PCCC), cũng như tổ chức các buổi huấn luyện thực hành về sơ cấp cứu, bảo đảm rằng mỗi nhân viên không chỉ biết cách bảo vệ mình trong trường hợp khẩn cấp mà còn có thể hỗ trợ đồng nghiệp khi cần thiết. Qua đó, Công ty cam kết tạo dựng một môi trường làm việc an toàn, nơi mỗi người làm việc không chỉ hiệu quả mà còn an tâm và bảo vệ được bản thân cũng như đồng nghiệp của mình.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm 2024, Công ty không thực hiện các khoản đầu tư lớn.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CON

CTCP GIẤY TOÀN LỰC			
ĐVT: Triệu đồng			
Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	(+/-) %2024/2023
Tổng tài sản	995.248	841.706	-15,43%
Doanh thu thuần	1.280.089	1.179.907	-7,83%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	36.208	5.357	-85,20%
Lợi nhuận trước thuế	40.969	7.282	-82,22%
Lợi nhuận sau thuế	34.330	5.522	-83,92%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY LIÊN KẾT

CTCP CHÈ MINH RỒNG			
ĐVT: Triệu đồng			
Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	(+/-) %2024/2023
Tổng tài sản	61.092	62.291	1,96%
Doanh thu thuần	2.329	4.233	81,74%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.243	2.690	19,94%
Lợi nhuận trước thuế	1.401	1.751	24,92%
Lợi nhuận sau thuế	891	1.144	28,34%

CTCP ẨM TƯỢNG VIỆT			
ĐVT: Triệu đồng			
Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	(+/-) %2024/2023
Tổng tài sản	119.335.354.423	100.022.200.423	-16,18%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY LIÊN KẾT

CTCP SÁCH VÀ DỊCH VỤ VĂN HÓA TÂY ĐÔ			
ĐVT: Triệu đồng			
Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	(+/-) %2024/2023
Tổng tài sản	55.991	59.440	6,16%
Doanh thu thuần	91.644	106.632	16,35%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.213	1.604	-27,52%
Lợi nhuận trước thuế	2.827	2.006	-29,05%
Lợi nhuận sau thuế	2.121	1.584	-25,32%

CTCP CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỆT ĐÔNG			
ĐVT: Triệu đồng			
Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	(+/-) %2024/2023
Tổng tài sản	235.157	236.667	0,64%
Doanh thu thuần	71.022	2.727	-96,16%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	26.576	29.082	9,43%
Lợi nhuận trước thuế	25.928	28.269	9,03%
Lợi nhuận sau thuế	25.549	27.581	7,95%

CTCP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG VIỆT			
ĐVT: Triệu đồng			
Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	(+/-) %2024/2023
Tổng tài sản	223.881	247.805	10,69%
Doanh thu thuần	106.403	119.833	12,62%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.126	28.556	-35,28%
Lợi nhuận trước thuế	44.153	28.462	-35,54%
Lợi nhuận sau thuế	41.200	25.988	-36,92%

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TRỰC TIẾP

Trong ngành sản xuất giấy, phát thải khí nhà kính là một yếu tố quan trọng cần được kiểm soát. Để giảm thiểu lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp,Viễn Đông đã triển khai các biện pháp sau:

- **Đầu tư vào thiết bị và công nghệ hiện đại:** Công ty đã đầu tư vào các thiết bị và máy móc tiên tiến, có hiệu suất cao và tiêu thụ ít năng lượng, giúp giảm đáng kể lượng khí nhà kính phát thải từ quá trình sản xuất.
- **Kiểm tra và bảo dưỡng máy móc định kỳ:** Công ty thực hiện bảo dưỡng và kiểm tra máy móc định kỳ để phát hiện và sửa chữa kịp thời các sự cố kỹ thuật, đảm bảo máy móc hoạt động hiệu quả và giảm thiểu khí thải do vận hành không tối ưu.
- **Trồng cây xanh bao quanh khu vực sản xuất:** Công ty tích cực xây dựng nhiều cây xanh như một “lá phổi xanh” xung quanh nhà máy giúp hấp thụ CO2 và làm sạch không khí.

- **Cải tiến thiết kế sản phẩm xanh:** Công ty thiết kế sản phẩm giấy tiêu thụ ít nguyên liệu hơn nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, giúp giảm năng lượng tiêu thụ trong sản xuất. Công ty cũng ưu tiên sử dụng nguyên liệu tái chế thay vì nguyên liệu mới, giúp giảm lượng khí thải trong quá trình sản xuất nguyên liệu thô.

Với những giải pháp trên, Viễn Đông đã góp phần giảm thiểu lượng phát thải khí nhà kính, góp phần bảo vệ môi trường.



PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH GIÁN TIẾP

Mặc dù lượng phát thải khí nhà kính từ lĩnh vực giáo dục không lớn, nhưng việc kiểm soát và giảm thiểu tác động môi trường vẫn rất quan trọng. Phát thải chủ yếu đến từ chất thải sinh hoạt tại các khu vực như căn tin, phòng học, sân trường, và từ việc sử dụng thiết bị làm mát tiêu thụ năng lượng như máy điều hòa.Để giảm thiểu lượng phát thải và góp phần bảo vệ môi trường, Viễn Đông đã triển khai các giải pháp sau:

- **Tăng cường quản lý chất thải:** tăng cường lắp đặt đầy đủ các thùng rác phân loại tại các khu vực trong trường học. Các thùng rác được thiết kế rõ ràng để phân loại chất thải, giúp quá trình xử lý và tái chế rác thải trở nên hiệu quả hơn.

- **Tiết kiệm năng lượng:** tích cực thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng như tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, đồng thời kiểm tra định kỳ các đồng hồ điện và hóa đơn điện để phát hiện kịp thời các bất thường. Việc này giúp giảm tiêu thụ năng lượng và hạn chế phát thải khí nhà kính từ các thiết bị làm mát.
- **Nâng cao nhận thức cộng đồng:** tổ chức các chiến dịch tuyên truyền về việc phân loại rác thải và tiết kiệm năng lượng, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh. Ngoài ra, các chương trình giảng dạy tích hợp kiến thức về bảo vệ môi trường vào chương trình học, giúp học sinh không chỉ hiểu mà còn thực hành những thói quen bảo vệ môi trường trong cuộc sống hàng ngày.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Viễn Đông luôn coi trọng việc sử dụng năng lượng hiệu quả. Để đạt được mục tiêu này, Công ty đã triển khai các giải pháp sau:

- **Xây dựng tiêu chuẩn sử dụng năng lượng:** Công ty đã thiết lập tiêu chuẩn sử dụng năng lượng cho từng loại thiết bị, máy móc và khu vực trong văn phòng cũng như cơ sở giáo dục. Những tiêu chuẩn này không chỉ giúp theo dõi hiệu quả sử dụng năng lượng của từng bộ phận mà còn nâng cao nhận thức của nhân viên về trách nhiệm trong việc tiết kiệm năng lượng.
- **Theo dõi và báo cáo việc sử dụng năng lượng:** Các văn phòng và cơ sở giáo dục của Công ty đều áp dụng các tiêu chuẩn sử dụng năng lượng và thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng năng lượng. Những báo cáo này giúp Công ty đánh giá, phân tích mức độ hiệu quả trong việc sử dụng năng lượng, từ đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao hiệu quả.
- **Nâng cao nhận thức thông qua truyền thông nội bộ:** Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động truyền thông nội bộ nhằm nâng cao ý thức của cán bộ, nhân viên về bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng hiệu quả. Các chiến dịch tuyên truyền, các buổi giáo dục về tiết kiệm năng lượng được tổ chức đều đặn. Công ty cũng khuyến khích nhân viên đóng góp sáng kiến nhằm tiết kiệm năng lượng, với các ý tưởng khả thi được triển khai và khen thưởng.
- **Đầu tư vào thiết bị tiết kiệm năng lượng:** Công ty không ngừng thay thế các thiết bị cũ và đầu tư vào các sản phẩm mới, hiệu quả hơn, như đèn LED, hệ thống quạt trần tiêu chuẩn DC, máy điều hòa không khí và các thiết bị điện tử đạt chứng nhận tiết kiệm năng lượng. Những cải tiến này không chỉ giảm thiểu mức tiêu thụ năng lượng mà còn góp phần giảm chi phí vận hành dài hạn..

Trong năm 2024, Viễn Đông chủ yếu sử dụng xăng phục vụ cho hoạt động kinh doanh, với tổng lượng tiêu thụ đạt 70 lít, tương đương 2.432.640 Kjun năng lượng tiêu thụ.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty luôn nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường nước, đặc biệt trong bối cảnh ô nhiễm môi trường nước đang trở thành vấn đề nghiêm trọng. Vì vậy, Công ty đã và đang thực hiện nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến môi trường nước. Cụ thể, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường, đồng thời hành động đi đôi với phương châm “cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống”.

Công ty cũng chú trọng nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường nước thông qua các hoạt động tuyên truyền cho CBCNV. Đồng thời, Công ty khuyến khích CBCNV sử dụng nước tiết kiệm trong sinh hoạt và sản xuất để giảm thiểu lãng phí tài nguyên quý giá này.

Ngoài ra, Công ty đã đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, bảo đảm nước thải luôn đạt yêu cầu quy chuẩn quốc gia trước khi được thải ra môi trường. Hệ thống xử lý nước thải của Công ty được vận hành thường xuyên và hiệu quả, góp phần tích cực vào việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước, bảo vệ hệ sinh thái và chất lượng nước tại các khu vực xung quanh.

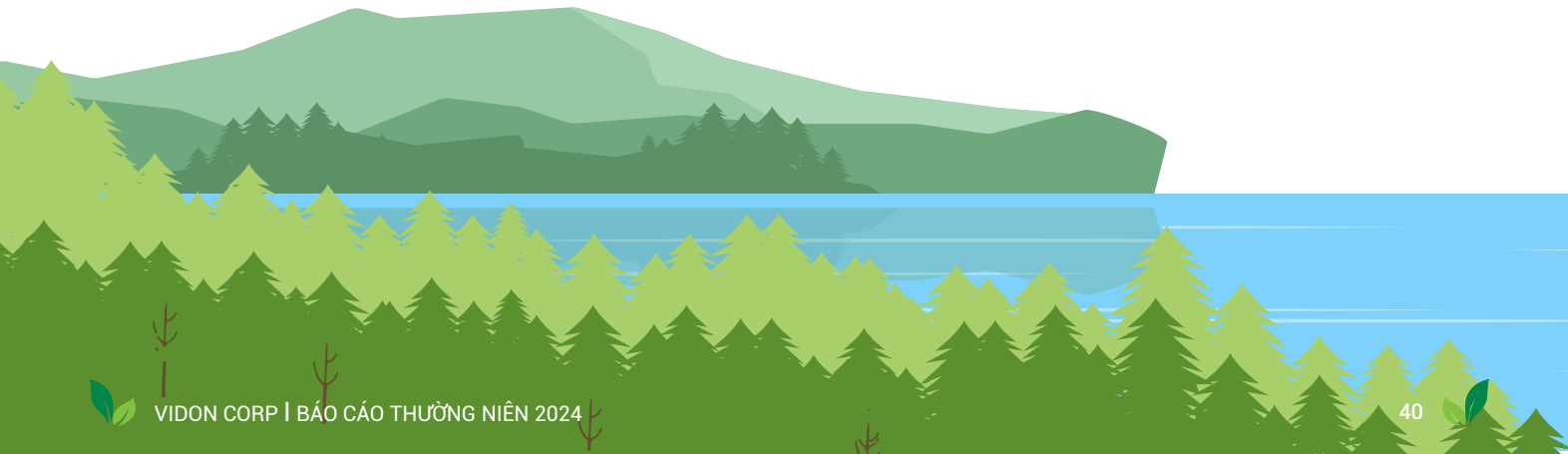
Trong năm 2024, Công ty đã thu về tổng cộng 35.714 lít nước, chủ yếu từ nguồn nước thủy cục. Lượng nước này được phân bổ cho hai loại hoạt động chính của Công ty: sản xuất và kinh doanh. Cụ thể, hoạt động sản xuất sử dụng 15.985 lít nước, còn hoạt động kinh doanh sử dụng 19.729 lít. Tổng cộng, lượng nước sử dụng của Công ty trong năm 2024 là 35.714 lít.



QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên vật liệu và năng lượng là hai yếu tố quan trọng trong quá trình sản xuất và kinh doanh của bất kỳ doanh nghiệp nào. Đối với Công ty, nguyên vật liệu và năng lượng không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất mà còn đóng vai trò then chốt trong việc bảo vệ môi trường. Chính vì vậy, Công ty đã triển khai các giải pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực từ việc sử dụng nguyên vật liệu, bao gồm:

- Công ty thực hiện việc đánh giá và lựa chọn nguyên vật liệu phù hợp, ưu tiên các loại nguyên liệu giấy có chất lượng tốt, hàm lượng chất thải thấp, từ đó góp phần giảm phát thải và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình sản xuất.
- Bên cạnh đó, Công ty chú trọng nâng cao nhận thức cho nhân viên về tầm quan trọng của việc tiết kiệm nguyên vật liệu và sử dụng chúng một cách hiệu quả. Nhân viên được đào tạo kỹ lưỡng về các phương pháp sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, tránh lãng phí, đồng thời đóng góp vào các sáng kiến bảo vệ môi trường. Những hành động nhỏ như vậy góp phần không chỉ giảm chi phí sản xuất mà còn nâng cao trách nhiệm cộng đồng của Công ty đối với môi trường.
- Ngoài ra, Công ty đang tiếp tục tìm kiếm và áp dụng các công nghệ tiên tiến giúp tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nguyên vật liệu tại các nhà máy, kho bãi, trường học, đồng thời giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến hệ sinh thái xung quanh.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Viễn Đông luôn xem xét một cách toàn diện tác động môi trường trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh – từ quá trình giao nhận nguyên vật liệu, vận chuyển sản phẩm đến các khâu tương tác giữa Công ty với nhà cung cấp và khách hàng. Mọi quy trình đều được đánh giá kỹ lưỡng để đảm bảo hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Công ty không chỉ tập trung kiểm soát hiện trạng mà còn chủ động hướng tới các mục tiêu dài hạn bằng cách áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường và duy trì hoạt động cải tiến liên tục nhằm nâng cao hiệu quả quản lý môi trường một cách hệ thống.



Bên cạnh đó, Công ty đặc biệt chú trọng đến việc cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật mới về môi trường. Các bộ phận chuyên môn được phối hợp chỉ đạo nghiên cứu, triển khai áp dụng các quy định pháp lý vào thực tiễn hoạt động, đảm bảo toàn bộ quy trình sản xuất kinh doanh tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường và các yêu cầu liên quan.

Công ty cũng đã xây dựng các phương án phòng ngừa và ứng phó với sự cố môi trường như phòng chống cháy nổ, quản lý hệ thống xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn và các loại chất thải sinh hoạt. Việc kiểm soát và phân tích mức độ tác động môi trường được thực hiện thường xuyên, góp phần giảm thiểu rủi ro và nâng cao tính chủ động trong quản lý môi trường.

Công ty hiểu rằng tuân thủ pháp luật là điều kiện tiên quyết, nhưng chưa đủ, do đó Viễn Đông luôn chủ động hợp tác với các đối tác trong việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, đồng thời triển khai các sáng kiến nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, nhân viên về tầm quan trọng của phát triển bền vững và bảo vệ hệ sinh thái chung.

Trong năm 2024, Công ty không có trường hợp nào vi phạm pháp luật về môi trường.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Nằm trong khuôn khổ cam kết về sự phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội, Viễn Đông không chỉ tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn tích cực thực hiện các sáng kiến an sinh xã hội. Bên cạnh việc đóng góp định kỳ vào quỹ an sinh xã hội, Công ty luôn chủ động tham gia và tài trợ cho nhiều chương trình, dự án có ý nghĩa, từ hỗ trợ cộng đồng đến các sáng kiến cải thiện môi trường sống và phát triển bền vững, như tổ chức các chương trình “Xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa” và “Hỗ trợ mái ấm tình thương, người già neo đơn”. Trong năm 2024, Công ty đã đóng góp tổng cộng 174 triệu đồng vào các chương trình xã hội từ thiện. Qua những nỗ lực này, Viễn Đông mong muốn góp phần tạo ra những ảnh hưởng tích cực và bền vững đối với xã hội và cộng đồng mà Công ty phục vụ.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông và các công ty trực thuộc luôn coi trọng việc xây dựng một nền tảng quản trị nhân sự dựa trên các nguyên tắc công bằng, minh bạch và trung thực. Sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau giữa các cá nhân trong Công ty là yếu tố cốt lõi giúp phát triển mối quan hệ bền vững trong nội bộ và xây dựng đội ngũ nhân sự vững mạnh.

Công ty cam kết xây dựng đội ngũ nhân sự một cách hệ thống và chiến lược, coi đây là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển bền vững của tổ chức. Công ty không ngừng đầu tư vào việc nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ thuật của nhân viên, đồng thời chú trọng phát triển các kỹ năng giao tiếp và kỹ năng xã hội để tạo ra một đội ngũ nhân lực

toàn diện. Để hỗ trợ quản lý và tối ưu hóa quy trình công việc, công ty sử dụng phần mềm nhân sự Amis và các hệ thống quản trị công việc trực tuyến, giúp dễ dàng tiếp cận và chia sẻ thông tin. Bên cạnh đó, việc truyền thông được thực hiện qua các hệ thống Zalo, Miro, Notion, giúp người lao động cập nhật nhanh chóng các chính sách của công ty, nâng cao hiệu quả giao tiếp và vượt trội hơn so với các phương pháp truyền thống như văn bản giấy hay email. Ngoài ra, Công ty tổ chức các hoạt động gắn kết cộng đồng như giao lưu hội thao, giải chạy gắn kết, chuyến đi ngoại khóa đến Campuchia và Thái Lan, câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ nấu ăn... để nâng cao sức khỏe và tăng cường sự kết nối giữa các cán bộ, nhân viên.

Bên cạnh đó, Công ty luôn coi trọng sức khỏe và sự an toàn của đội ngũ nhân viên thông qua việc xây dựng một môi trường làm việc lành mạnh, an toàn và nhân văn. Các tiêu chuẩn về an toàn và sức khỏe tại nơi làm việc được giám sát chặt chẽ. Công ty cung cấp các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động và các chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ, cũng như tầm soát bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Các biện pháp cải thiện môi trường làm việc luôn được thực hiện qua các đánh giá định kỳ, nhằm đảm bảo sự an toàn và sức khỏe của nhân viên.

Về chính sách đãi ngộ, Công ty xây dựng một hệ thống đãi ngộ và phúc lợi dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch và tính cạnh tranh cao. Công ty đảm bảo mức lương của nhân viên luôn đạt mức cạnh tranh trên thị trường, bổ sung thêm các khoản thưởng năng suất, thưởng sáng kiến và phúc lợi tài chính khác. Công ty cũng cam kết tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp cho nhân viên thông qua kế hoạch thăng tiến cá nhân, được xây dựng dựa trên năng lực và hiệu quả công việc của từng cá nhân. Hệ thống đánh giá hiệu suất làm việc của Công ty được áp dụng một cách minh bạch và công bằng, đảm bảo rằng mọi cơ hội thăng tiến đều dựa trên thành tích thực tế của nhân viên.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm năm 2024 so với năm 2023
1	Tổng giá trị tài sản	1.252.768	1.121.750	-10,46%
2	Doanh thu thuần	1.312.326	1.188.878	-9,41%
3	Lợi nhuận gộp	104.360	73.052	-30,00%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	39.839	7.901	-80,17%
5	Lợi nhuận khác	4.883	3.468	-28,99%
6	Lợi nhuận trước thuế	44.722	11.368	-74,58%
7	Lợi nhuận sau thuế	38.083	9.608	-74,77%
8	Cổ tức (*)	5%	5%	-
9	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	516	170	-67,05%

(*) Tỷ lệ dự kiến trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 thông qua.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

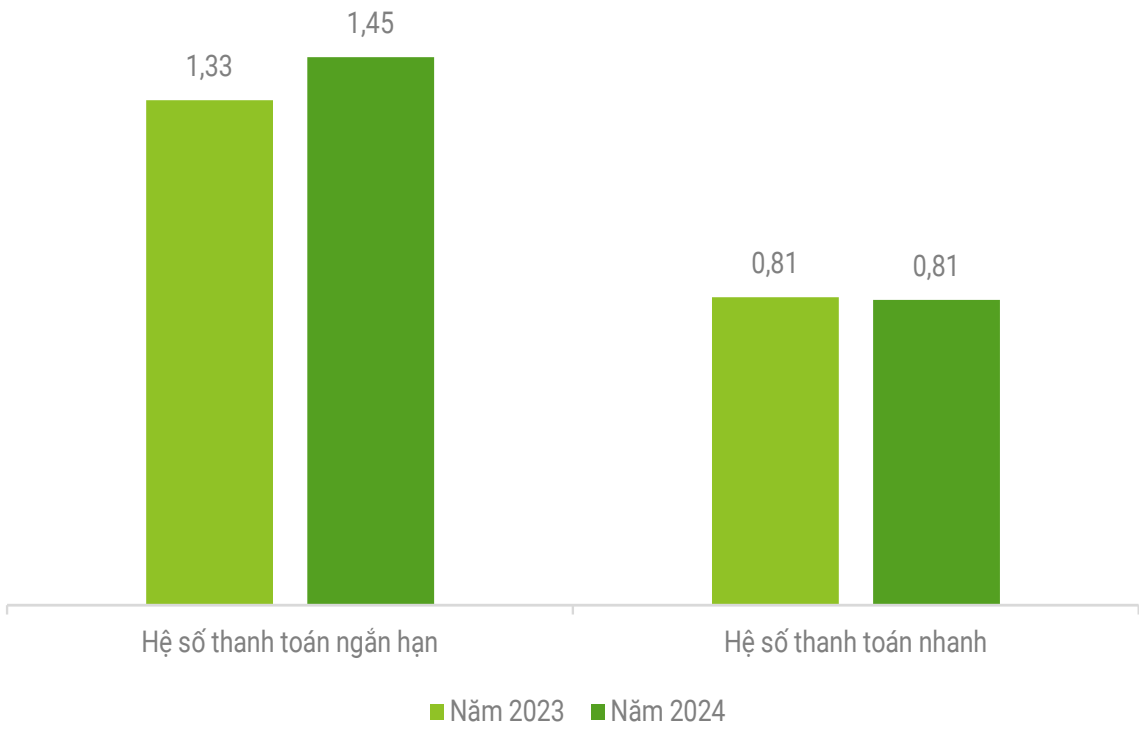
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,33	1,45
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,81	0,81
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	48,25	40,45%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	93,22	67,94%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,24	3,78
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,06	1,00
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,90	0,81%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,18	1,46%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,09	0,81%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	3,04	0,66%



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Tại thời điểm 31/12/2024, hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh lần lượt đạt 1,45 và 0,81, phản ánh khả năng thanh toán ổn định và hiệu quả đối với các nghĩa vụ nợ ngắn hạn của Công ty. Trong năm 2024, Công ty đã chủ động giảm hàng tồn kho để ứng phó với sự gia tăng giá nguyên vật liệu. Việc giảm lượng hàng tồn kho không chỉ giúp tối ưu hóa chi phí lưu kho mà còn giúp giải phóng nguồn lực tài chính, cải thiện dòng tiền và nâng cao khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Công ty cũng duy trì tỷ trọng hợp lý cho các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và đầu tư tài chính ngắn hạn, tạo thêm nguồn thu nhập tài chính và đảm bảo tính thanh khoản.

Đối với nợ ngắn hạn, Công ty thực hiện thanh toán đầy đủ cho các nhà cung cấp, đặc biệt đối với những nhà cung cấp nước ngoài, cụ thể, khoản phải trả người bán ngắn hạn là 91,14 tỷ đồng, giảm 65,32% so với năm 2023. Ngoài ra, Công ty có thực hiện thêm những khoản vay tài chính ngắn hạn nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, những khoản vay này được Công ty thanh toán đúng hạn và không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn trong năm 2024. Qua đó, các nghĩa vụ thanh toán đối với các nhà cung cấp và người cho vay được đảm bảo nhờ việc Công ty kiểm soát tốt dòng tiền, đồng thời duy trì cơ cấu tài sản phù hợp nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản luôn ở mức an toàn.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

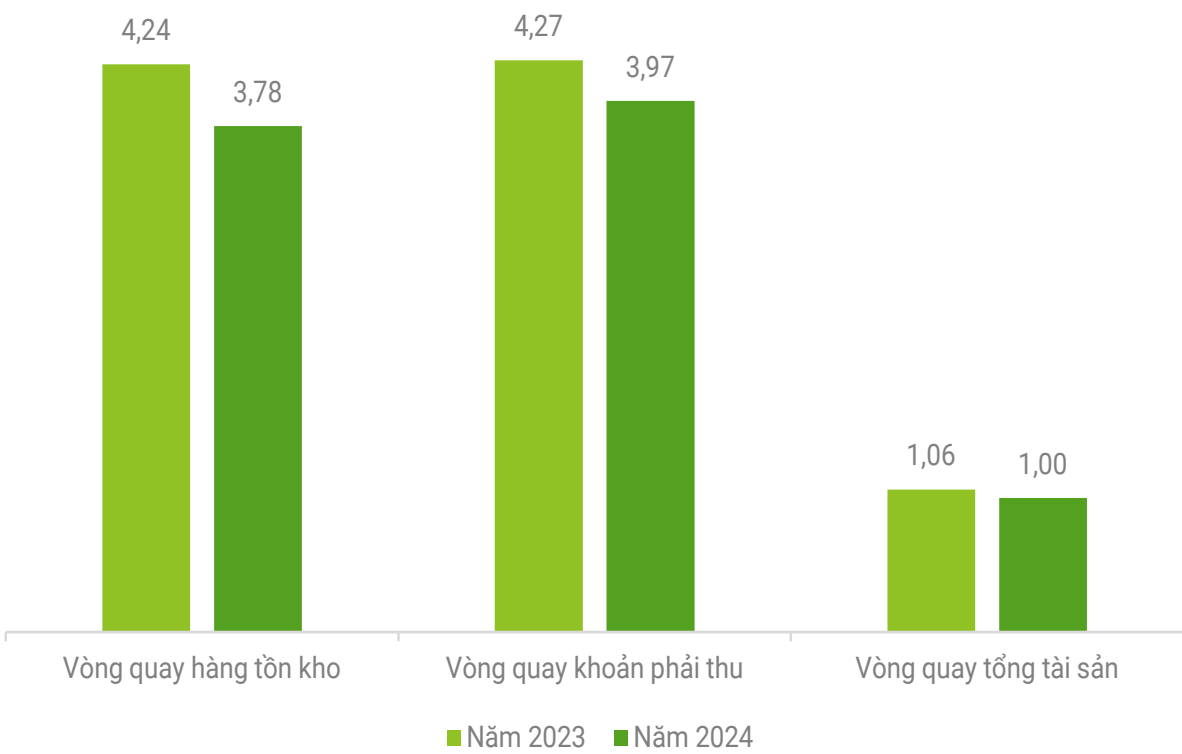
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2024 đạt 3,78, giảm so với mức 4,24 trong năm 2023. Công ty đã thực hiện quản lý hàng tồn kho một cách hiệu quả, chủ động giảm lượng tồn kho nguyên liệu giấy nhằm tiết kiệm chi phí đầu vào, phù hợp với bối cảnh thị trường và sự gia tăng giá cả nguyên liệu hiện nay. Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong việc xuất hàng ra thị trường trong năm qua, nhưng nhờ vào công tác quản lý hàng tồn kho chặt chẽ, Công ty đã duy trì được vòng quay hàng tồn kho ổn định, qua đó đảm bảo tốc độ lưu chuyển hàng hóa diễn ra một cách liên tục.

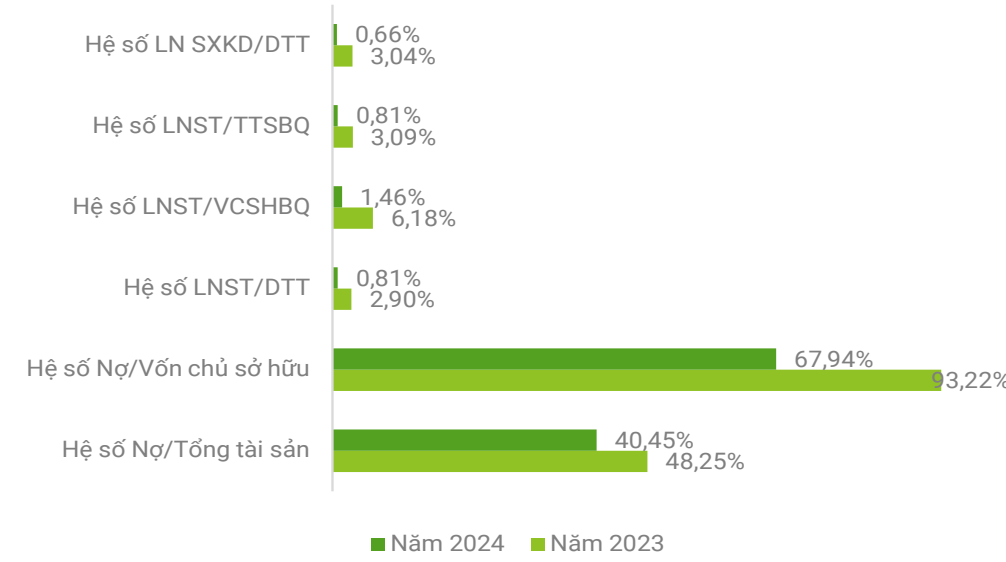
Vòng quay tài sản trong năm 2024 đạt mức 1,00, giảm nhẹ so với mức 1,06 trong năm 2023. Tuy nhiên, đây vẫn là mức tỷ lệ ổn định, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản trong quá trình hoạt động kinh doanh. Doanh thu bán hàng của Công ty trong năm 2024 chịu áp lực từ sự cạnh tranh gay gắt trong ngành và khó khăn trong hoạt động xuất khẩu sang các thị trường quốc tế, điều này đã phần nào ảnh hưởng đến việc khai thác tối đa tiềm năng của tài sản. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì được mức độ sử dụng tài sản hiệu quả và đảm bảo sự ổn định trong quá trình hoạt động kinh doanh.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Tại thời điểm cuối năm 2024, hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty lần lượt đạt 40,45% và 67,94%, giảm so với mức 48,25% và 93,22% trong năm 2023. Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện chi trả các khoản tiền lớn cho các nhà cung cấp trong và ngoài nước nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, từ đó làm giảm đáng kể khoản nợ phải trả. Bên cạnh đó, trong bối cảnh lãi suất thị trường duy trì ổn định, Công ty đã linh hoạt bổ sung nguồn vốn thông qua các khoản vay tài chính

ngắn hạn, giúp tận dụng thêm nguồn tài trợ từ bên ngoài bên cạnh nguồn vốn tự có, từ đó tối ưu hóa chi phí vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, Viễn Đông vẫn luôn đảm bảo sự ổn định cho cấu trúc tài chính bằng cách giữ tỷ lệ nợ ở mức hợp lý. Điều này giúp giảm thiểu rủi ro tài chính và tạo điều kiện thuận lợi để ứng phó với những biến động từ thị trường bên ngoài, từ đó bảo vệ lợi ích lâu dài cho Công ty và các cổ đông.

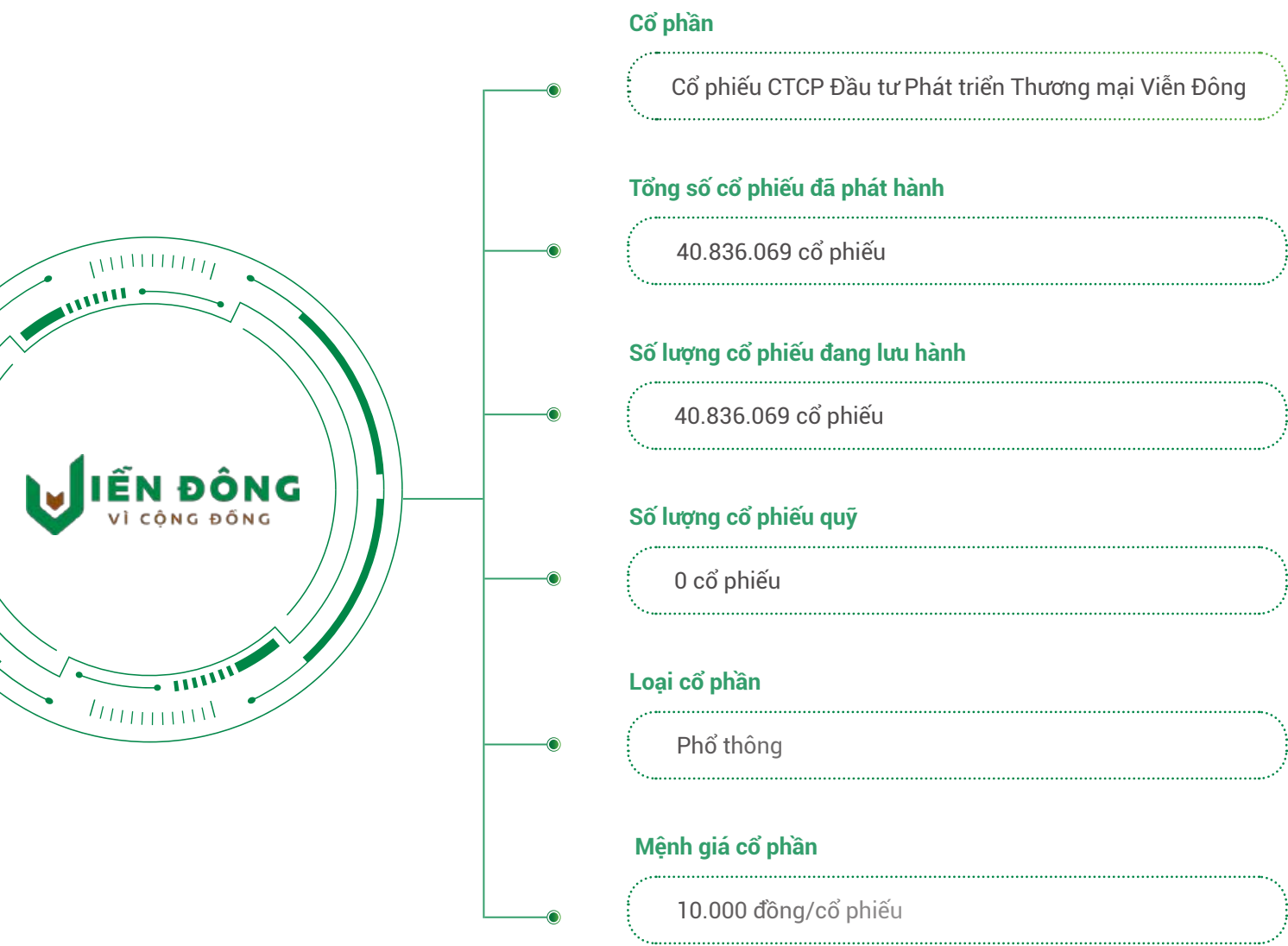


CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần và Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/doanh thu thuần của Công ty lần lượt đạt 0,81% và 0,66% trong năm 2024, giảm so với mức 2,90% và 3,04% cùng kỳ năm 2023. Sự sụt giảm này phản ánh ảnh hưởng từ các yếu tố kinh tế toàn cầu. Tình trạng khan hiếm nguồn cung giấy và các chính sách xuất khẩu nghiêm ngặt nhằm bảo vệ môi trường tại nhiều quốc gia đã làm gián đoạn chuỗi cung ứng ngành giấy, dẫn đến sự gia tăng giá nguyên vật liệu, gây áp lực trực tiếp lên chi phí đầu vào và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, giá trị đồng USD trong năm 2024 giữ ở mức cao đã tạo thêm áp lực cho hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty, làm gia tăng chi phí tài chính và chi phí đầu vào, qua đó tác động trực tiếp đến lợi nhuận.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu/ VDL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông lớn	12,881,750	31.54	4	1	3
-	Trong nước	12,881,750	31.54	4	1	3
-	Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
4	Cổ đông khác	27,954,319	68.46	3,011	32	2,979
-	Trong nước	27,611,403	67.63	2,960	25	2,935
-	Nước ngoài	342,916	0.83	51	7	44
TỔNG CỘNG		40,836,069	100.00	3,015	33	2,982
Trong đó: - Trong nước		40,493,153	99.17	2,964	26	2,938
- Nước ngoài		342,916	0.83	51	7	44

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bùi Quang Mẫn	6,009,549	14.71
2	Bùi Quang Mẫn	727,375	1.78
3	Nguyễn Thị Thu	2.914.773	7,14
4	CTCP Thương mại Toàn Lực Người đại diện vốn: Bà Nguyễn Thị Thu	3.230.053	7,91

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA:

Căn cứ công văn số 911/UBCK-PTTT ngày 23 tháng 02 năm 2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông là: 50%.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG
GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	54
Tình hình tài chính	56
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	58
Kế hoạch phát triển trong tương lai	59



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Nền kinh tế thế giới trong năm 2024 chứng kiến nhiều sự xáo trộn và biến động mạnh mẽ từ nhiều nhân tố khó có thể đo lường, các cuộc xung đột vũ trang vẫn diễn ra với tần suất dày đặc tại các quốc gia Nga – Ukraine, Biển Đỏ, khu vực Trung Đông, cùng với sự bất ổn chính trị tại các quốc gia châu Âu như Đức, Anh, Pháp hoặc tại khu vực châu Á như Hàn Quốc và các quốc gia tại Đông Nam Á. Điều này đã gây gián đoạn đến chuỗi cung ứng toàn cầu và tác động trực tiếp đến các hoạt động thương mại đa phương giữa các quốc gia, từ đó gia tăng chi phí vận chuyển, hàng hải và giá cả nguyên vật liệu tăng cao. Tại Việt Nam, nền kinh tế nước ta ghi nhận một số cải thiện, thể hiện qua tốc độ tăng trưởng tốt, cùng với sự phục hồi nhất định của sản xuất tại một số ngành nghề. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với không ít khó khăn và thách thức, đồng USD liên tục biến động theo xu hướng tăng, làm tăng chi phí đầu vào và gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong nước. Ngoài ra, cạnh tranh ngày càng gay gắt, với sự gia nhập của nhiều đối thủ mới vào các ngành nghề, đồng thời sự xuất hiện của nhiều sản phẩm thay thế cũng gây sức ép lớn. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2024 chịu nhiều áp lực và thách thức, tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty trong năm đạt 1.226,98 tỷ đồng, giảm 9,39% so với năm 2023.

Đối với hoạt động kinh doanh giấy, Công ty vẫn tiếp tục duy trì tìm kiếm thị trường mới, qua đó mở rộng các cơ hội tăng trưởng. Công ty đã nỗ lực tìm kiếm các nhà cung cấp với chính sách giá hợp lý, từ đó giúp tăng cường khả năng tham gia các gói thầu cung cấp giấy cho các công ty in trong nước. Đối với hoạt động đầu tư tài chính, tình hình hoạt động của Công ty con và các Công ty liên doanh liên kết đảm bảo giữ vững tốc độ phát triển ổn định và đem lại hiệu quả, từ đó cải thiện kết quả kinh doanh chung cho toàn công ty.



TỔ CHỨC - NHÂN SỰ

Trong quá trình hình thành và phát triển, Viễn Đông luôn đặt yếu tố con người lên hàng đầu, luôn đặt sự gắn kết giữa Công ty với người lao động làm trọng tâm.

Công ty luôn nắm bắt để thấu hiểu tâm tư nguyện vọng của nhân sự, kịp thời giúp đỡ và hỗ trợ để nhân viên phát huy tối đa năng lực của họ. Đồng thời, Công ty luôn đảm bảo thu nhập và phúc lợi đầy đủ cho toàn thể CBNV.

Ngoài ra, các khóa đào tạo trực tuyến cho cấp quản lý cũng là một trong những hoạt động trọng điểm trong năm qua nhằm nâng cao năng lực quản trị, tiếp tục công tác xây dựng và phát huy đội ngũ đã thực hiện xuyên suốt nhiều năm qua.

Cơ cấu tổ chức nhân sự ngày càng tinh gọn và hiệu quả. Công ty tăng cường công tác tuyển dụng nhân sự mới có năng lực nhằm bổ sung cho các phòng ban để phục vụ tốt nhất cho các hoạt động kinh doanh trong điều kiện mới.



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Các phòng ban cũng đã thực hiện các đánh giá chi tiết về các dự án đầu tư, xác định rõ ràng các ưu tiên và tiềm năng sinh lời. Đồng thời, việc theo dõi và giám sát tiến độ triển khai các dự án đầu tư được thực hiện thường xuyên, đảm bảo nguồn vốn được sử dụng một cách hiệu quả, tối ưu hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro tài chính cho công ty. Bên cạnh đó, việc cập nhật và điều chỉnh chiến lược đầu tư liên tục giúp công ty linh hoạt đáp ứng những thay đổi của thị trường.



QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông luôn theo đuổi triết lý phát triển bền vững, gắn liền lợi ích của Công ty với lợi ích của các bên liên quan. Với những hoạt động quản trị và quan hệ nhà đầu tư minh bạch và hiệu quả.

Trong thời gian qua, Công ty đã đẩy mạnh các hoạt động cung cấp thông tin từ xa, qua điện thoại, email, cải tiến trang web hiện đại, thân thiện với người dùng, cung cấp các thông tin cập nhật, chính xác, kịp thời đến cộng đồng nhà đầu tư.

Ngoài ra, thực hiện đúng các chuẩn mực Quản trị Công ty được quy định trong văn bản lập quy của Công ty và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Ban Lãnh đạo luôn chỉ đạo thực hiện nghiêm túc hoạt động công bố thông tin ra thị trường. Đối với các sự kiện có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trên thị trường, Công ty luôn đảm bảo việc truyền tải thông tin chính xác và kịp thời đến các cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư.

Năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì chi trả cổ tức tiền mặt cho cổ đông. Đây là minh chứng rõ ràng nhất cho thấy Công ty luôn đồng hành và hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đối với cổ đông.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	787.259	62,84%	640.851	57,13%	-18,60%
Tài sản dài hạn	465.509	37,16%	480.899	42,87%	3,31%
Tổng tài sản	1.252.768	100,00%	1.121.750	100,00%	-10,46%

Tài sản ngắn hạn của Công ty trong năm 2024 đạt 640,85 tỷ đồng, giảm 18,60% so với cùng kỳ năm 2023, nhưng tỷ trọng tài sản ngắn hạn vẫn duy trì ổn định ở mức 57,13% tổng tài sản. Trong năm qua, Công ty đã tập trung thanh toán đầy đủ các khoản nợ, đặc biệt là đối với các nhà cung cấp nước ngoài, nhằm duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài và đảm bảo nghĩa vụ tài chính được thực hiện đúng hạn. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện quản lý hàng tồn kho hiệu quả, giảm tồn kho nguyên vật liệu trong bối cảnh giá nguyên liệu giấy tăng cao, qua đó tỷ lệ hàng tồn kho đã giảm 7,64%, chiếm 44,27% tài sản ngắn hạn. Công ty cũng đã tập trung vào việc thu hồi các khoản phải thu, giúp khoản phải thu ngắn hạn giảm 20,74% so với năm 2023, từ đó cải thiện dòng tiền và giảm áp lực tài chính. Đồng thời, để bảo vệ kết quả kinh doanh, Công ty đã chủ động trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi, giảm thiểu rủi ro và ổn định tài chính. Những biện pháp này phản ánh sự chủ động và hiệu quả trong việc quản lý tài sản và dòng tiền, đảm bảo tính ổn định và bền vững trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tài sản dài hạn của Công ty đạt 480,9 tỷ đồng, tăng 3,31% so với năm 2023, nâng tỷ trọng của tài sản dài hạn lên 42,87% tổng tài sản. Điều này phản ánh sự chuyển dịch hợp lý trong cơ cấu tài sản của Công ty, phù hợp với chiến lược đầu tư dài hạn. Do đặc thù của ngành, tài sản cố định và các khoản đầu tư tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản dài hạn của Công ty. Trong đó, khoản đầu tư tài chính dài hạn đạt 407,66 tỷ đồng, chiếm 84,77% tài sản dài hạn, phản ánh các khoản đầu tư chiến lược của Công ty vào các công ty liên kết trong các lĩnh vực có tiềm năng phát triển bền vững, như kinh doanh thương mại văn phòng phẩm, cho thuê văn phòng, văn hóa, giáo dục và đào tạo. Những khoản đầu tư này không chỉ giúp Công ty đa dạng hóa nguồn thu nhập mà còn củng cố nền tảng tài chính vững chắc, tạo đà phát triển trong dài hạn.



TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ phải trả	604.411	48,25%	453.798	40,45%	-24,92%
- Nợ ngắn hạn	590.411	97,68%	442.911	97,60%	-24,98%
- Nợ dài hạn	14.000	2,32%	10.886	2,40%	-22,24%
Vốn chủ sở hữu	648.358	51,75%	667.952	59,55%	3,02%
Tổng nguồn vốn	1.252.768	100,00%	1.121.750	100,00%	-10,46%

Tại thời điểm 31/12/2024, nợ ngắn hạn của Công ty đạt 442,91 tỷ đồng, chiếm 97,60% tổng nợ phải trả. Trong đó, khoản phải trả người bán ngắn hạn là 91,14 tỷ đồng, giảm 65,32% so với năm 2023, phản ánh việc Công ty đã thanh toán kịp thời các nghĩa vụ với nhà cung cấp. Những khoản nợ này không phát sinh lãi nên không làm tăng chi phí tài chính, đồng thời góp phần duy trì mối quan hệ hợp tác ổn định. Khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đạt 342,35 tỷ đồng, tăng 15,82% so với năm trước. Sự gia tăng này xuất phát từ việc Công ty tận dụng mặt bằng lãi suất ổn định trong năm để tiếp cận các khoản vay ưu đãi, phục vụ nhu cầu bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất, đầu tư và kinh doanh. Với đặc thù hoạt động, khoản phải trả người bán phát sinh thường xuyên do Công ty thực hiện nhiều giao dịch mua nguyên vật liệu. Đồng thời, việc sử dụng nợ vay ngắn hạn cũng là công cụ điều chỉnh cơ cấu nợ hiệu quả, giúp hạn chế rủi ro lãi suất và tối ưu chi

phí tài chính. Vì vậy, nợ ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty qua nhiều năm.

Trong năm, Công ty cũng phát sinh một số khoản vay dài hạn nhằm phục vụ cho hoạt động nhập khẩu và sản xuất giấy, cũng như các giao dịch thương mại trong nước. Tính đến cuối năm, nợ dài hạn đạt 10,89 tỷ đồng, chiếm 2,40% tổng nợ phải trả.

Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2024 đạt 667,95 tỷ đồng, chiếm 59,55% tổng nguồn vốn. Cơ cấu vốn với tỷ trọng vốn chủ sở hữu cao giúp Công ty duy trì nền tảng tài chính vững chắc, giảm áp lực chi phí lãi vay và hạn chế phụ thuộc vào nguồn vốn bên ngoài. Điều này tạo điều kiện để Công ty chủ động hơn trong việc bố trí vốn, phục vụ hiệu quả các kế hoạch đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giấy và giáo dục.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- 01

Sử dụng hệ thống đánh giá công việc minh bạch, khách quan. Khen thưởng những nhân viên có thành tích tốt, đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với những vi phạm.
- 02

Tập trung vào việc tuyển dụng nhân viên có năng lực, phù hợp với văn hóa công ty. Đầu tư vào đào tạo, phát triển kỹ năng và kiến thức cho nhân viên. Kết hợp xây dựng các nhóm liên ngành, khuyến khích giao tiếp và chia sẻ thông tin giữa các bộ phận.
- 03

Công tác quản trị nhân sự ngày càng chú trọng ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin. Công ty hiện đang áp dụng phần mềm quản lý nhân sự AMIS, nhờ đó, thời gian xử lý công việc thủ công được rút ngắn đáng kể, nhiều quy trình được số hóa, giúp đảm bảo tuân thủ quy định của Công ty và Nhà nước, đồng thời nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị nhân sự và hành chính.
- 04

Tổ chức nhân sự ngày càng tinh gọn, chuyển đổi từ mô hình tập quyền sang phân quyền, tạo điều kiện cho các bộ phận và nhóm làm việc có quyền tự chủ cao hơn. Việc trao quyền đi đôi với trách nhiệm giúp nâng cao tính chủ động và hiệu suất công việc.
- 05

Tăng cường kết nối nội bộ, xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững. Tổ chức các hoạt động team building, giao lưu giữa các bộ phận để tạo sự gắn kết giữa các nhân viên. Ngoài ra, tạo dựng văn hóa phản hồi tích cực, đảm bảo mọi ý kiến đóng góp đều được tôn trọng và xem xét kỹ lưỡng.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025
1	Tổng doanh thu & thu nhập	Tỷ đồng	1.160
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	42
3	Cổ tức	%	8%

CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐÃ ĐỀ RA

- 1

Phối hợp chặt chẽ với CTCP Giấy Toàn Lực để có giải pháp hỗ trợ kịp thời cho hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu giấy..
- 2

Hỗ trợ các Công ty liên doanh liên kết trong lĩnh vực kinh doanh của từng công ty, nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh của mỗi công ty, từ đó cải thiện và nâng cao hiệu suất chung cho toàn hệ thống.
- 3

Bảo đảm được việc làm ổn định và thu nhập cho người lao động. Áp dụng chế độ lương thưởng hợp lý kèm các khoản phúc lợi gia tăng để thúc đẩy, nhằm khích lệ và phát huy tối đa tiềm năng, sự sáng tạo của mỗi cá nhân và tập thể, qua đó đẩy mạnh năng suất và chất lượng công việc.
- 4

Liên tục rà soát, giám sát, đánh giá hiệu quả về đầu tư tài chính dài hạn, đầu tư thêm vốn đối với lĩnh vực đang và sẽ phát huy hiệu quả cao cho công ty.
- 5

Thực thi “Viễn Đông vì cộng đồng”, có trách nhiệm với môi trường, xã hội, phát triển văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, bền vững, đóng góp vào sự phát triển chung của công ty và xã hội.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	62
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	64
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	65



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2024 chứng kiến nền kinh tế thế giới trải qua nhiều sự biến động đáng chú ý, các cuộc xung đột địa chính tại các khu vực kinh tế trọng điểm như tại Biển Đỏ, Trung Đông đã gia tăng nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng, ảnh hưởng đến hoạt động giao thương giữa các quốc gia. Lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm tại nhiều quốc gia sụt giảm đã tạo điều kiện cho các ngân hàng trung ương nới lỏng chính sách tiền tệ, hỗ trợ chi tiêu và đầu tư. Tuy nhiên, các chính sách nới lỏng vẫn chưa tỏ ra hiệu quả khi tăng trưởng kinh tế và nền sản xuất công nghiệp tại nhiều quốc gia vẫn còn tiến triển chậm, đặc biệt tại khu vực châu Âu, điều này một nguyên nhân là do những căng thẳng thương mại và bất ổn địa chính trị tiếp tục ảnh hưởng đến tâm lý thị trường và hoạt động kinh tế. Tại Việt Nam, nền kinh tế nhìn chung vẫn tăng trưởng ổn định, thể hiện qua việc lạm phát trong nước vẫn được kiểm soát tốt, thặng dư xuất nhập khẩu, chỉ số IIP toàn ngành sản xuất tăng trưởng so năm 2023... Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta cũng chịu áp lực trực tiếp từ những vấn đề chung của thế giới, giá cả nguyên vật liệu trong nước tăng cao theo xu hướng chung của giá nguyên

vật liệu thế giới, tỷ giá USD/VND tiếp tục xu hướng tăng do đồng USD tăng giá trị.

Trước những thách thức trên, HĐQT đã cùng với Ban Tổng Giám đốc nhanh chóng và nhất quán thực hiện các chiến lược kinh doanh và đầu tư đã đề ra. Nhờ đó, kết quả kinh doanh năm 2024 vẫn đạt kế hoạch đề ra, tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 1.226,98 tỷ đồng, vượt 5,77% so với kế hoạch ĐHCĐ đặt ra. Bên cạnh đó, phối hợp với các phòng ban thực hiện phân tích, tái đánh giá nhu cầu thị trường, từ đó lên kế hoạch đầu tư, mở rộng quy mô phù hợp với nguồn lực hiện có của Công ty, đồng thời lên các phương án phòng ngừa các rủi ro trọng yếu trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động mang tính bất ngờ và khó dự phóng.

Tổng doanh thu và thu nhập khác đạt

1.227 tỷ đồng

vượt 5,77% so với kế hoạch

ĐHCĐ đặt ra

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế bị tác động mạnh bởi các yếu tố tiêu cực. HĐQT đã luôn theo dõi chặt chẽ và thường xuyên có những chỉ đạo linh hoạt, kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị Công ty, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, điều lệ Công ty. Các nội dung chủ yếu về hoạt động Công ty trong năm như sau:

- Quy chế quản trị nội bộ: Thực hiện giám sát, phối hợp hoạt động tốt giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc; Thực hiện họp định kỳ và mở rộng để có những quyết định kịp thời triển khai theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ; Thực hiện đầy đủ các báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh đúng thời hạn theo quy định.
- Quy chế quản lý tài chính: Thực hiện báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, 6 tháng (soát xét), và cả năm (kiểm toán) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh đúng quy định.
- Quy chế công bố thông tin: Tuân thủ và duy trì công bố thông tin về tình hình quản trị công ty, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, các vấn đề liên quan khác cho các cơ quan chức năng, các cổ đông, nhà đầu tư và trên website của Công ty.

HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Về trách nhiệm môi trường và xã hội, Viễn Đông luôn chú trọng đến mục tiêu phát triển bền vững và luôn đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường, không để xảy ra các vi phạm hay xử phạt hành chính liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh.

Trong quá trình vận hành các nhà máy và triển khai dự án, Viễn Đông áp dụng hệ thống quản lý môi trường chặt chẽ, giám sát nghiêm ngặt các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường như chất lượng không khí, nguồn nước, nước thải và chất thải rắn tại các nhà máy sản xuất và các khu vực của trường học. Công ty thực hiện các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu tác động môi trường theo các quy

chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, đồng thời không ngừng cải tiến công nghệ sản xuất để tối ưu hóa hiệu suất sử dụng tài nguyên và giảm phát thải.

Ngoài ra, Công ty tích cực tham gia các chương trình bảo vệ môi trường và cộng đồng, bao gồm các sáng kiến giảm thiểu khí thải, thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo, và thực hiện chính sách tái chế chất thải. Công ty cũng chú trọng đào tạo nhân viên về ý thức bảo vệ môi trường, nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo trong việc phát triển các giải pháp thân thiện với môi trường, đồng thời lồng ghép các nội dung về môi trường và trách nhiệm cộng đồng vào các chương trình đào tạo tại các trường học.



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ VỚI NHÀ ĐẦU TƯ VÀ NGHĨA VỤ VỚI CỔ ĐÔNG

Công ty luôn duy trì một mối quan hệ chặt chẽ với các nhà đầu tư, khuyến khích sự tham gia và đóng góp ý kiến từ cổ đông để phát triển bền vững. Việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh giúp cổ đông và nhà đầu tư đưa ra quyết định đúng đắn, từ đó gia tăng giá trị cổ phần và bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong bối cảnh nền kinh tế trong và ngoài nước gặp nhiều khó khăn trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận hỗ trợ đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc đưa Công ty vượt qua những thách thức của nền kinh tế và đạt được kết quả kinh doanh khả quan. HĐQT ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của tập thể ban lãnh đạo và các CBNV Công ty.

“**Trước những khó khăn, Ban Tổng Giám đốc luôn thể hiện tinh thần chủ động và sáng tạo trong việc đề xuất các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Các giải pháp này được triển khai nghiêm túc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT, đảm bảo bám sát chiến lược phát triển của Công ty.**

Trước những khó khăn, Ban Tổng Giám đốc luôn thể hiện tinh thần chủ động và sáng tạo trong việc đề xuất các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Các giải pháp này được triển khai nghiêm túc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT, đảm bảo bám sát chiến lược phát triển của Công ty. Ban Tổng Giám đốc cũng linh hoạt điều chỉnh chiến lược để thích ứng với sự thay đổi của thị trường, từ đó gia tăng hiệu quả hoạt động. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy chế, quy định trong hoạt động điều hành, phân cấp quản trị theo điều lệ, quy chế quản trị và các quy định nội bộ của Công ty.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc đã có hành động thiết thực trong việc cải thiện chính sách nhân sự, nâng cao chế độ phúc lợi và tạo lập môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, góp phần thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hiệu quả các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn và quản lý, giúp nâng cao năng lực làm việc của đội ngũ nhân sự. Công tác quy hoạch và phát triển nhân sự cũng được chú trọng, đảm bảo nhân viên có lộ trình nghề nghiệp rõ ràng, tạo điều kiện để phát huy tối đa tiềm năng và đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025
1	Tổng doanh thu & thu nhập	Tỷ đồng	1.160
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	42
3	Cổ tức	%	8%

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- » Tăng cường công tác quản trị công ty phù hợp luật định hiện hành đối với CTCP, bao gồm công ty mẹ, công ty con, và các công ty liên kết.
- » Duy trì các phiên họp thường kỳ hàng quý để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc để triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ đạt hiệu quả.
- » Thực hiện công bố thông tin minh bạch, công khai, kịp thời về tình hình quản trị công ty và tình hình tài chính cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan chức năng, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
- » Thường xuyên rà soát đánh giá hiệu quả đối với từng khoản đầu tư tài chính hiện hữu. Tái cấu trúc lại hoạt động đầu tư nếu xét thấy cần thiết để đảm bảo hiệu quả năm sau luôn cao hơn năm trước.
- » Tiếp tục cải tiến hoàn thiện bộ máy HĐQT đáp ứng theo yêu cầu của quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng cũng như tiến tới chuẩn mực quốc tế.

VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- » Hỗ trợ cho hoạt động của các Công ty liên kết, liên doanh để ổn định và phát triển bền vững.
- » Đồng hành với Công ty con trong kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu giấy về nhiều mặt, tập trung chủ yếu về quản trị nguồn vốn, cơ sở vật chất để đạt hiệu quả cao trong năm 2025.
- » Phối hợp với Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban khác trong việc nghiên cứu thị trường, đánh giá cơ hội đầu tư tiềm năng, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh giấy, thương mại xuất nhập khẩu và giáo dục, nhằm tối ưu hóa nguồn lực tài chính và tận dụng các lợi thế cạnh tranh.
- » Tiếp tục đầu tư tài chính vào ngành kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu và giáo dục. Đồng hành cùng các công ty liên kết trong công tác xây dựng chiến lược kinh doanh và đầu tư, phù hợp với xu hướng thị trường và xoay quanh giá trị cốt lõi của Công ty.
- » Phát huy công tác xây dựng nguồn nhân lực, phân công nhân sự phù hợp về năng lực chuyên môn và có phẩm chất đạo đức tốt để có thể tổ chức thực hiện và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ đã giao, đồng thời để chuẩn bị nhân sự cho chiến lược phát triển bền vững lâu dài.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	68
Ban Kiểm soát	74
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	78



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Bùi Quang Khoa	Chủ tịch HĐQT	1.120.380	2,74
2	Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	501.604	1,23
3	Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên HĐQT	993.138	2,43
4	Ông Phạm Tất Phú	Thành viên HĐQT độc lập	0	0
5	Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên HĐQT độc lập	0	0

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM: Không có



GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG BÙI QUANG KHOA
Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh: 05/12/1977
- Địa chỉ thường trú: 2.45 Lô D, Chung cư Lạc Long Quân, P.5, Q.11, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Từ 05/2006 đến 02/2007	Trợ lý HĐQT CTCP Giấy Viễn Đông
Từ 02/2007 đến 10/2008	Giám đốc Điều hành CTCP Giấy Viễn Đông
Từ 10/2008 đến 10/2015	Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
Từ 10/2015 đến 04/2022	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
Từ 07/2020 đến 04/2022	Chủ tịch HĐQT CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông
Từ 04/2022 đến nay	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông
Từ 04/2022 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông
Số cổ phần nắm giữ	1.120.380 cổ phần, chiếm 2,74% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan

Tên	Mối Quan hệ	Số lượng, tỷ lệ sở hữu
Thái Ngọc Trân	Vợ	5.238 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG TRẦN HOÀNG NGHĨA

Thành viên HĐQT

- Ngày sinh: 15/05/1967
- Địa chỉ thường trú: 595/11C Cách Mạng Tháng Tám, P.15, Q.10, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Đại học Ngân Hàng

Quá trình công tác

Từ 08/2008 đến 08/2009	Phó Giám đốc Điều hành CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
Từ 09/2008 đến 12/2013	Giám đốc Điều hành CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
Từ 01/2014 đến 08/2016	Tổng Giám đốc Điều hành CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
Từ 04/2011 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Không có

Số cổ phần nắm giữ 993.138 cổ phần, chiếm 2,43% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan

Tên	Mối Quan hệ	Số lượng, tỷ lệ sở hữu
Mai Thị Trúc Giang	Vợ	191.926 cổ phần, chiếm 0,47% vốn điều lệ



GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG PHẠM TẤT PHÚ

Thành viên HĐQT độc lập

- Ngày sinh: 06/03/1991
- Địa chỉ thường trú: TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Trình độ chuyên môn: Đại học RMIT, ngành Kế toán Tài chính

Quá trình công tác

Từ 2012 đến 2013	Kế toán tài chính CTCP Nụ cười Khách hàng
Từ 2013 đến 2014	Kiểm toán nội bộ Công ty Kiểm toán Grant Thornton VN
Từ 2014 đến 2016	Kế toán tài chính Công ty TNHH SCS Việt Nam
Từ 2016 đến nay	Kế toán tài chính Công ty TNHH Medtronic
Từ 04/2022 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Kế toán tài chính Công ty TNHH Medtronic

Số cổ phần nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ TRẦN THỊ PHƯƠNG MAI
Thành viên HĐQT độc lập

- Ngày sinh: 24/04/1977
- Địa chỉ thường trú: Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn: Cao học kinh tế phát triển

Quá trình công tác	
Từ 2007 đến nay	Giám đốc dự án phát triển Hongkong Land
Từ 04/2022 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Giám đốc phát triển dự án Hongkong Land
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần, chiếm 0% VĐL
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có	

Sơ yếu lý lịch Ông Bùi Quang Minh vui lòng xem tại sơ yếu lý lịch Ban điều hành.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Quan hệ cổ đông & truyền thông, Ban trợ lý và Ban kiểm toán nội bộ thực hiện công bố thông tin định kỳ: Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình Quản trị Công ty, Báo cáo tài chính quý/bán niên/cả năm, thông báo về ngày đăng ký cuối cùng họp ĐHĐCĐ thường niên 2024, và chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, đăng tải trên website Công ty tài liệu của Đại hội, Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ, công bố thông tin 24 giờ và bất thường khác...

Các tiểu ban đã thể hiện tốt vai trò hỗ trợ HĐQT trong việc thực thi , giám sát và kiểm soát hiệu quả hoạt động của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Với vai trò độc lập trong hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT độc lập luôn thể hiện tốt vai trò của mình, tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, chủ động đóng góp ý kiến thảo luận, mang tính chiến lược và đầy trách nhiệm cho sự phát triển chung của Công ty. Bên cạnh đó, thành viên HĐQT độc lập luôn đánh giá đầy đủ và kỹ lưỡng về các nội dung được xin ý kiến. Từ đó, đưa ra biểu quyết dựa trên cơ sở khách quan nhất nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Tham gia các lớp đào tạo trực tuyến về quản trị Công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh tổ chức.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 7 cuộc họp với tỷ lệ dự họp là 100%, ban hành các Nghị quyết và Quyết định, chỉ đạo chính xác, kịp thời, bám sát định hướng và chiến lược phát triển của Công ty, nội dung cụ thể như sau:

- Các cuộc họp HĐQT:

STT	Thành viên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Ông Bùi Quang Khoa	7	100%	
2	Ông Bùi Quang Minh	7	100%	
3	Ông Trần Hoàng Nghĩa	7	100%	
4	Ông Phạm Tất Phú	7	100%	
5	Bà Trần Thị Phương Mai	7	100%	

- Nội dung và kết quả của các cuộc họp

HĐQT đã tổ chức 7 phiên họp, nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01.24 NQ/VID-HĐQT	04/01/2024	v/v Thông qua giao dịch với các bên liên quan trong năm 2024	100%
2	02.24 NQ/VID-HĐQT	23/02/2024	v/v Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024	100%
3	03.24 NQ/VID-HĐQT	29/02/2024	v/v Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024	100%
4	04.24 NQ/VID-HĐQT	17/06/2024	v/v Lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2024	100%
5	05.24 NQ/VID-HĐQT	19/07/2024	v/v Triển khai chi trả cổ tức bằng tiền mặt - năm tài chính 2023	100%
6	01.24 QĐ/VID-HĐQT	01/10/2024	v/v Tái bổ nhiệm Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán	100%
7	06.24 NQ/VID-HĐQT	27/12/2024	v/v Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025	100%

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng Ban Kiểm soát	229.387	0,56
2	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0
3	Bà Trần Thị Tình	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0

Danh sách thay đổi thành viên BKS trong năm: Không có

GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ BAN KIỂM SOÁT



BÀ LÊ THỊ MINH GIANG
Trưởng Ban Kiểm soát

- Ngày sinh: 26/01/1969
- Địa chỉ thường trú: 115 Nguyễn Cửu Vân, P.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, ngành Kế toán

Quá trình công tác

Từ 1991 đến 1993	Nhân viên kế toán Xí nghiệp văn phòng phẩm 3, Tocontap SG
Từ 1994 đến 2011	Nhân viên kế toán - Kế toán trưởng CTCP Thương mại Toàn lực
Từ 2011 đến nay	Kế toán trưởng CTCP Ấn tượng Việt
Từ 2019 đến nay	Trưởng BKS CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Kế toán trưởng CTCP Ấn tượng Việt

Số cổ phần nắm giữ 229.387 cổ phần, chiếm 0,56% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan

Tên	Mối Quan hệ	Số lượng, tỷ lệ sở hữu
Lê Thị Minh Thủy	Em	10.260 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
Ngô Thị Ngọc Diệp	Em dâu	701.242 cổ phần, chiếm 1,72% vốn điều lệ

GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ BAN KIỂM SOÁT



BÀ TRẦN THỊ THANH THỦY
Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày sinh: 05/01/1979
- Địa chỉ thường trú: 38/4F Ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Kế Toán Doanh Nghiệp

Quá trình công tác

Từ 2010 đến 2018	Nhân viên Kế Toán CTCP Giấy Toàn Lực
Từ 2018 đến 2020	Trưởng Phòng Kho Vận CTCP Giấy Toàn Lực
Từ 2020 đến nay	Phó giám đốc phụ trách Kho vận CTCP Giấy Toàn Lực
Từ 2020 đến nay	Thành viên BKS CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Phó giám đốc phụ trách Kho vận CTCP Giấy Toàn Lực

Số cổ phần nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có



BÀ TRẦN THỊ TÌNH
Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày sinh: 06/09/1981
- Địa chỉ thường trú: Xã Duy Nhất, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cao đẳng

Quá trình công tác

Từ 2009 đến 2010	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Thương mại Điện tử Hồng Nhân
Từ 2011 đến 2012	Nhân viên Kế toán CTCP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt
Từ 2012 đến 2014	Kế toán trưởng Trường Phổ thông Việt Mỹ
Từ 2014 đến nay	Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt
Từ 04/2022 đến nay	Thành viên BKS CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt

Số cổ phần nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có

BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
- Giám sát việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2024.
 - Thẩm tra đánh giá hoạt động tài chính - kế toán, và giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính định kỳ.
 - Đảm bảo hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - Phối hợp với các bên liên quan thực hiện kiểm tra tính pháp lý, trung thực với mức độ cần trọng trong quản lý và trong công tác kế toán và thống kê

- KẾT QUẢ GIÁM SÁT BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
- Công tác phối hợp các hoạt động giữa BKS và HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh, đảm bảo nguyên tắc tuân thủ vì lợi ích chung của Công ty cũng như phù hợp với Điều lệ Công ty và các nội dung Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
 - BKS cũng ghi nhận việc thực hiện công tác quản trị của HĐQT luôn luôn theo sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành và đưa ra các quyết định kịp thời, hiệu quả trong việc thực hiện các nội dung kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Công ty.
 - Ban Tổng Giám đốc và Các cấp quản lý đã làm tốt công việc của mình, với tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao đã nỗ lực hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong năm và thực hiện nghiêm túc các nội dung theo đúng các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và của ĐHĐCĐ giao phó.
 - Việc công bố thông tin đến Cổ đông được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng theo quy định.

- SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**
- BKS, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc và Các cán bộ liên quan khác thường xuyên trao đổi thông tin, phối hợp hoạt động trên tinh thần tôn trọng, độc lập khách quan và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
 - HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã luôn hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của mình. Các tài liệu, báo cáo được cung cấp kịp thời và chính xác.
 - BKS luôn tham gia đầy đủ các cuộc họp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Thị Minh Giang	Trưởng Ban Kiểm soát	2	100%	
2	Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát	2	100%	
3	Bùi Thị Ngọc Yến	Thành viên Ban Kiểm soát	2	100%	

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

BKS đã tổ chức 02 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
1	Biên bản họp BKS	02/04/2024	v/v Xem xét thông qua dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
2	Biên bản họp BKS	13/06/2024	v/v Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC 2024



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG VÀ THƯỞNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương và thưởng năm 2024	Ghi chú
1	Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc	1.262.693.653	
2	Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	1.541.480.280	
TỔNG CỘNG			3.400.599.318	

THÙ LAO VÀ THƯỞNG BKS

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao và thưởng	Ghi chú
1	Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	
2	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	
3	Bà Trần Thị Tĩnh	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	
TỔNG CỘNG			132.000.000	

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2024, Công ty đã nỗ lực thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quản trị công ty, kể cả các quy định riêng đối với công ty niêm yết.



THÙ LAO VÀ THƯỞNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao và thưởng	Ghi chú
1	Ông Bùi Quang Khoa	Chủ tịch HĐQT	360.000.000	
2	Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	
3	Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên HĐQT	60.000.000	
4	Ông Phạm Tất Phú	Thành viên HĐQT	60.000.000	
5	Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên HĐQT	60.000.000	
TỔNG CỘNG			660.000.000	

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH
I. Bán hàng hóa và dịch vụ		
CTCP Giấy Toàn Lực	Công ty con	0305623305
CTCP Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ	Người liên quan với HĐQT	0305072778
II. Mua hàng hóa và dịch vụ		
CTCP Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ	Người liên quan với HĐQT	0305072778
III. Cổ tức được chia		
CTCP Đầu tư Phát triển Giáo Dục Hoàng Việt	Công ty liên kết	0306213397
CTCP Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ	Người liên quan với HĐQT	0305072778
CTCP Giấy Toàn Lực	Công ty con	0305623305

Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Lô A2-8 Đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	Năm 2024		Hợp đồng hợp tác kinh doanh số : 02.17/HĐHTKD-VID-TMTL tổng giá trị 360.000.000 đồng
252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	Năm 2024		Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 01/HĐHT-VĐ-VA tổng giá trị 7.856.920.839 đồng
252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	Năm 2024		Hợp đồng cung cấp dịch vụ tổng giá trị 831.205.766 đồng
252 Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh	Năm 2024	Biên bản họp ĐHCĐ ngày 25/03/2024 Biên bản họp ĐHCĐ ngày 04/11/2024	Cổ tức được chia năm 2023 tỷ lệ 15% giá trị 3.878.550.000 đồng Cổ tức được chia tạm ứng năm 2024 tỷ lệ 15% giá trị 3.878.550.000 đồng
252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	Năm 2024	Biên bản họp ĐHCĐ ngày 25/06/2024 Biên bản họp ĐHCĐ ngày 20/09/2024	Cổ tức được chia năm 2023 tỷ lệ 20% giá trị 1.208.088.000 đồng Cổ tức được chia tạm ứng năm 2024 tỷ lệ 30% giá trị 1.812.132.000 đồng
Lô A2-8 Đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	Năm 2024	Nghị quyết ĐHCĐ số 01.24 ngày 27/06/2024 Nghị quyết ĐHCĐ số 03.24 ngày 22/11/2024	Cổ tức được chia năm 2023 tỷ lệ 10% giá trị 11.757.521.000 đồng Cổ tức được chia năm 2023 tỷ lệ 10% giá trị 5.878.760.500 đồng

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH
III. Cổ tức được chia		
CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết	0300716891
CTCP Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết	1800531192
V. Cho vay ngắn hạn		
CTCP Giấy Toàn Lực	Công ty con	0305623305



Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
102A Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Năm 2024	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/ NQ-HĐQT ngày 22/08/2024	Cổ tức được chia năm 2023 tỷ lệ 15% giá trị 8.639.554.500 đồng
29 Phan Đình Phùng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Năm 2024	Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 06/06/2024	Cổ tức được chia năm 2023 tỷ lệ 5% giá trị 742.070.000 đồng
Lô A2-8 Đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	Năm 2024		Hợp đồng số 01/HĐVV/VĐ-GTL ngày 01/02/2017 Thu nợ vay: 17.430.000.000 đồng, Cho vay: 41.200.000.000 đồng Tiền lãi hợp tác KD: 3.478.004.658 đồng





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán	88
Báo cáo tài chính được kiểm toán	90



THÔNG TIN CHUNG

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536 đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 05 tháng 8 năm 2022 với số vốn điều lệ là 408.360.690.000 VND.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là VID.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (028) 3842 8633 - 3849 6056 Fax : (028) 3842 5880
Website : <https://dautuviendong.vn> Email : info@dautuviendong.vn

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bia giấy, hợp tác kinh doanh về hoạt động giáo dục.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Quang Khoa	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Minh	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên
Ông Phạm Tất Phú	Thành viên
Bà Trần Thị Phương Mai	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên
Bà Trần Thị Tình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Bùi Quang Khoa - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ông Bùi Quang Khoa - Chủ tịch Hội đồng quản trị đã ủy quyền cho ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc phê duyệt và công bố báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo theo Giấy ủy quyền số 01.24/UQ/VID-HCNS ngày 06/05/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty và công ty con (được gọi chung là "Nhóm Công ty").

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (Công ty và công con được gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với các Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC - FAC AUDITING CO., LTD
64/4 Đường ĐHT 21, Phường Đồng Hưng Thuận, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Tel: (028) 3636 4038 - 3636 4039
www.kiemtoanfac.vn - Email: congty@kiemtoanfac.vn

Số: 082/2025/BCTCHN-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") và công ty con (Công ty và công ty con sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2025, từ trang 6 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2024.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Nguyễn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0473-2023-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Đặng Thành Lâm
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4265-2023-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		640.851.439.195	787.259.327.376
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	59.472.354.548	97.104.996.852
1. Tiền	111		59.472.354.548	93.104.996.852
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		59.800.259.341	84.638.807.671
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	59.800.259.341	84.638.807.671
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		232.709.612.770	293.589.009.522
1. Phải thu khách hàng	131	7	265.061.518.752	324.410.715.084
2. Trả trước cho người bán	132	8	18.547.397.777	21.547.787.655
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.1	1.267.493.866	2.910.252.790
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(52.166.797.625)	(55.279.746.007)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	283.714.324.814	307.198.556.094
1. Hàng tồn kho	141		283.714.324.814	307.198.556.094
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.154.887.722	4.727.957.237
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	214.467.058	88.801.399
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13	4.877.916.255	4.639.155.838
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	23	62.504.409	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		480.898.552.360	512.993.587.412
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		554.325.000	30.154.325.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	14	-	29.600.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	9.2	554.325.000	554.325.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		50.627.228.637	71.414.221.460
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	45.987.679.001	47.825.139.109
Nguyên giá	222		125.017.849.343	119.110.691.244
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.030.170.342)	(71.285.552.135)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	16	4.639.549.636	23.589.082.351
Nguyên giá	228		8.178.611.916	26.930.027.271
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.539.062.280)	(3.340.944.920)
III. Bất động sản đầu tư	230	17	18.751.415.355	-
Nguyên giá	231		18.751.415.355	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		42.100.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		42.100.000	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		407.654.632.178	407.667.518.756
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	18	266.799.192.178	266.812.078.756
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	141.608.940.000	141.608.940.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(753.500.000)	(753.500.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.268.851.190	3.757.522.196
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	1.488.701.843	1.087.298.175
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	20	1.780.149.347	2.670.224.021
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.121.749.991.555	1.300.252.914.788

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		453.797.604.428	604.410.921.248
I. Nợ ngắn hạn	310		442.911.304.428	590.410.921.248
1. Phải trả người bán	311	21	91.140.838.900	262.823.435.345
2. Người mua trả tiền trước	312	22	349.983.633	16.056.556.195
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	5.007.271.891	2.686.799.085
4. Phải trả người lao động	314		-	702.420.355
5. Chi phí phải trả	315	24	821.539.573	549.320.802
6. Phải trả nội bộ	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	25.1	779.404.519	9.069.798.441
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26	342.346.153.170	295.593.158.283
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	27	2.466.112.742	2.929.432.742
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.886.300.000	14.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	25.2	186.300.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26	10.700.000.000	14.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		667.952.387.127	695.841.993.540
I. Vốn chủ sở hữu	410		667.952.387.127	695.841.993.540
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	28	408.360.690.000	408.360.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		408.360.690.000	408.360.690.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	28	5.032.671.673	5.032.671.673
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	28	3.367.759.813	3.367.759.813
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	28	10.774.125.649	10.774.125.649
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	28	69.813.881.523	83.428.036.702
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		62.869.021.774	55.239.942.150
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.944.859.749	28.188.094.552
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	28	170.603.258.469	184.878.709.703
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.121.749.991.555	1.300.252.914.788

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng
Người lập

Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	1.188.877.855.220	1.312.326.023.917
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	30	1.188.877.855.220	1.312.326.023.917
4. Giá vốn hàng bán	11	31	1.115.825.642.458	1.211.106.915.542
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73.052.212.762	101.219.108.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	12.344.449.167	18.300.677.371
7. Chi phí tài chính	22	33	28.383.387.811	30.099.762.622
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.436.531.892	21.229.616.434
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	34	22.234.505.490	25.299.320.977
9. Chi phí bán hàng	25	35	30.801.083.398	32.829.308.284
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	40.546.036.893	34.024.637.984
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.900.659.317	47.865.397.833
12. Thu nhập khác	31	37	3.518.525.269	6.284.621.714
13. Chi phí khác	32		50.740.403	1.401.439.692
14. Lợi nhuận khác	40		3.467.784.866	4.883.182.022
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.368.444.183	52.748.579.855
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	1.760.606.528	6.639.488.335
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.607.837.655	46.109.091.520
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		6.944.859.749	28.188.094.552
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.662.977.906	17.920.996.968
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	170	690
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	39	170	690

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng
Người lập

Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.368.444.183	52.748.579.855
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		9.100.501.544	7.537.793.347
- Các khoản dự phòng	03		(3.112.948.382)	(2.169.467.132)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.946.065.018	162.776.657
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(32.747.982.680)	(38.519.311.619)
- Chi phí lãi vay	06	33	18.436.531.892	21.229.616.434
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.990.611.575	40.989.987.542
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		63.303.736.755	(13.964.057.445)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		23.484.231.280	(44.004.788.745)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(188.400.616.255)	6.839.845.728
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(527.069.327)	936.160.090
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(18.267.457.488)	(21.649.608.032)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	23	(1.140.625.811)	(6.014.321.112)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	27	(463.320.000)	(420.930.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(117.020.509.271)	(37.287.711.974)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.224.161.545)	(11.603.662.603)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		20.000.000	98.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	(2.140.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		64.438.548.330	28.948.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		34.042.238.295	29.136.566.011
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		81.276.625.080	44.439.085.226

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	57.540.637.800
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	26	1.018.631.129.279	1.045.466.246.069
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	26	(975.178.134.392)	(1.084.128.852.066)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(45.341.753.000)	(23.700.513.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.888.758.113)	(4.822.481.697)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(37.632.642.304)	2.328.891.555
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	97.104.996.852	94.742.150.943
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	33.954.354
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	59.472.354.548	97.104.996.852

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Thị Thủy Tiên
 Kế toán trưởng
 Người lập

Bùi Quang Minh
 Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NHÓM CÔNG TY

1.1 Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty" hoặc "Công ty mẹ") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536 đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 05 tháng 8 năm 2022 với số vốn điều lệ là 408.360.690.000 VND.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là VID.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy, hợp tác kinh doanh về hoạt động giáo dục.

1.2 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là không quá 12 tháng.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay. Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đã được trình bày lại như đã nêu tại Thuyết minh số 42.

1.4 Nhân viên

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty mẹ và công ty con tại ngày 31/12/2024 là 74 người (tại ngày 31/12/2023 là 81 người).

1.5 Cấu trúc của Nhóm Công ty

Nhóm Công ty gồm Công ty mẹ và 01 công ty con là Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất này). Nhóm Công ty có 05 công ty liên kết. Thông tin chính về công ty con và công ty liên kết như sau:

1.5.a Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Lô A2-8, đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, TP. HCM	Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa giấy	230.400.000.000	51,03%	51,03%

1.5.b Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt (*)	Lầu 2, số 84, KP 4, đường 30/4, P. Quyết Thắng, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Hoạt động du lịch và văn hóa	100.000.000.000	37,65%	45,00%

1.5.b Công ty liên kết (tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	102A Phó Cơ Điều, Phường 4, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy, cho thuê mặt bằng và hoạt động giáo dục.	173.109.780.000	37,05%	40,68%
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Số 29 Phan Đình Phùng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Cho thuê văn phòng, đại lý mua bán vật tư văn hóa thông tin, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh...	45.000.000.000	37,32%	41,48%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông; Đào tạo ngoại ngữ và tin học	91.260.000.000	33,63%	38,70%
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Khu 1B, Thị trấn Lộc Thắng, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng	Trồng, kinh doanh, chế biến nông sản. Kinh doanh vật tư nông nghiệp...	19.505.110.000	27,04%	27,04%

(*) Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Làng Văn hóa tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và không phát sinh hoạt động kinh doanh.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của các công ty trong Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán cũng như lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG, CƠ SỞ LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, hệ thống các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan khác của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập và trình bày theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc bảo đảm đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán có liên quan trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không mất đi quyền kiểm soát được hạch toán vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Nhóm Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Nhóm Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Nhóm Công ty đã thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của Nhóm Công ty, thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước đây Nhóm Công ty đã thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát, theo đó Nhóm Công ty kết chuyển lãi/lỗ trước đây đã ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sang Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi đầu tư. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi đầu tư.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi đầu tư được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi đầu tư từ các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, như chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, được ghi nhận vào các khoản mục tương ứng của vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty. Thay đổi lũy kế sau khi đầu tư được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức, lợi nhuận nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Nhóm Công ty dừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ thời điểm khoản đầu tư không còn là công ty liên kết. Nếu khoản đầu tư còn lại trong công ty liên kết trở thành khoản đầu tư tài chính dài hạn, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý và được coi là giá trị gốc tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Phần lãi/(lỗ) từ việc thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Nhóm Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm các chi phí trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.6 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá; các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 38	năm
- Máy móc và thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10	năm
- Thiết bị, đồ dùng văn phòng	03 - 07	năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá; các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Quyền sử dụng đất có thời hạn	39 năm	(tính theo thời gian sử dụng đất)
- Phần mềm ứng dụng	03 năm	

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành. Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá. Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi lỗ phát sinh do bán bất động sản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn phần sở hữu của bên mua đối với giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, thì phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.14 Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ dẫn đến nhiều khả năng là cần chuyển giao các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

4.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng tại thời điểm này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.16 Vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong Nhóm Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của các công ty trong Nhóm Công ty.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của các công ty trong Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.
- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có quyết định chi trả.

4.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa và thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa và thành phẩm được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Doanh thu từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi và cổ tức được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức được ghi nhận khi Nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức.

4.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

4.19 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm và hàng hoá, cung cấp dịch vụ của Nhóm Công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm Công ty.

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh); hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo lĩnh vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Tổng Giám đốc xác định việc ra các quyết định quản lý của Nhóm Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm và dịch vụ cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Nhóm Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do đó, Nhóm Công ty chỉ trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực địa lý. Nhóm Công ty được tổ chức thành các bộ phận kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp như sau:

- Kinh doanh các sản phẩm từ giấy.
- Các dịch vụ khác: Doanh thu, kết quả hoạt động và tài sản của bộ phận này chiếm tỷ trọng dưới 10% tổng doanh thu, kết quả hoạt động và tài sản của Nhóm Công ty nên thông tin của bộ phận này được trình bày tại phần quản lý chung của Nhóm Công ty.

4.22 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.23 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt tại quỹ	764.071.118	565.228.285
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	58.708.283.430	92.539.768.567
Các khoản tương đương tiền	-	4.000.000.000
Cộng	59.472.354.548	97.104.996.852

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	59.800.259.341	59.800.259.341	84.638.807.671	84.638.807.671
Cộng	59.800.259.341	59.800.259.341	84.638.807.671	84.638.807.671

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại dưới một năm tại các ngân hàng thương mại. Trong đó, Công ty đã cầm cố toàn bộ các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quận 3 để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số 26).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
Bên liên quan	38.191.428.401	29.859.970.801
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	25.959.970.801	27.459.970.801
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	7.691.457.600	2.400.000.000
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	4.540.000.000	-
Bên khác	226.870.090.351	294.550.744.283
- Công ty TNHH MTV In Báo Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	32.748.429.267	32.468.505.033
- Công ty TNHH Văn hóa Trí Đức Thái Thịnh	8.586.030.162	31.544.447.036
- Công ty Cổ phần In Trần Phú	8.993.126.230	22.040.343.014
- Công ty TNHH An Hào	5.973.750.588	21.075.709.110
- Công ty TNHH MTV Văn hóa Đại Việt Á	18.377.664.050	19.153.504.840
- Công ty Cổ phần In bao bì Khatoco	24.350.103.986	18.338.547.419
- Công ty TNHH Công nghệ Bao bì Taisho & 7	9.820.382.192	16.090.813.528
- Công ty Cổ phần Đầu tư Quảng cáo Song Hành	3.759.718.121	15.947.215.654
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Văn hóa Hương Trang	14.648.725.770	12.993.787.316
- Công ty TNHH MTV In Quân đội 2	7.348.595.550	12.969.286.099
- Công ty Cổ phần In Số 7	18.019.131.581	11.482.185.312
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ XNK Sao Mai Vi Na	9.699.145.003	9.699.145.003
- Các khách hàng khác	64.545.287.851	70.747.254.919
Cộng	265.061.518.752	324.410.715.084

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
Bên liên quan	6.507.395.948	6.507.395.948
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	6.507.395.948	6.507.395.948
Bên khác	12.040.001.829	15.040.391.707
- Công ty Cổ phần Tac Paritas	5.088.080.723	-
- Công ty Moorim P&P Korea	-	8.768.475.300
- Công ty Japan Pulp and Paper	-	3.702.335.958
- Công ty TNHH TMDV Thiết bị PCCC Thanh Niên	1.062.600.000	1.062.600.000
- Công ty TNHH Một thành viên SX - CK - XD Nhôm kính sắt inox Đức Trí	1.000.103.446	-
- Các nhà cung cấp khác	4.889.217.660	1.506.980.449
Cộng	18.547.397.777	21.547.787.655

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
9.1 Phải thu ngắn hạn khác	1.267.493.866	2.910.252.790
Bên liên quan	-	-
Bên khác	1.267.493.866	2.910.252.790
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	250.387.003	386.769.853
- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.001.925.863	1.378.633.435
- Dự thu lãi cho vay của cá nhân	-	547.150.685
- Công ty Cổ phần Tac Paritas (lãi cho vay)	-	526.093.151
- Các khoản ký quỹ, ký cược	5.000.000	67.000.000
- Các khoản khác	10.181.000	4.605.666
9.2 Phải thu dài hạn khác	554.325.000	554.325.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	554.325.000	554.325.000
Tổng cộng	1.821.818.866	3.464.577.790

10. NỢ XẤU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Nợ xấu của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải thu thương mại của khách hàng, các khoản trả trước cho người bán và phải thu khác đã quá hạn thanh toán cần trích lập dự phòng theo quy định.

	31/12/2024			01/01/2024		
	Nợ quá hạn (giá gốc)	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Nợ quá hạn (giá gốc)	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	Đơn vị tính: 1.000 VND			Đơn vị tính: 1.000 VND		
Phải thu khách hàng	67.625.496	45.522.832	22.102.664	64.176.706	50.314.424	13.862.283
Công ty CP Thương mại Toàn Lực	25.959.971	25.959.971	-	27.459.971	27.450.071	9.900
Công ty TNHH TMDV XNK Sao Mai Vi Na	9.699.145	9.699.145	-	9.699.145	9.699.145	-
Công ty TNHH In Báo Nhân dân TP.HCM	18.688.809	1.388.756	17.300.052	11.513.051	3.221.631	8.291.420
Công ty TNHH MTV In Đắc Lắc	2.037.729	611.319	1.426.410	-	-	-
Công ty in Văn hoá Sài Gòn	1.733.421	1.733.421	-	1.829.306	1.784.810	44.496
Công ty TNHH TMDV Quảng cáo Quang Thắng	1.500.008	1.500.008	-	1.500.008	1.500.008	-
Công ty Cổ Phần In - Bao bì An Phú	2.053.006	428.350	1.624.656	3.124.482	937.345	2.187.138
Công ty Cổ phần In Scitech	857.415	132.003	725.412	1.922.020	580.500	1.341.520
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đắc Nông	939.396	757.720	181.676	939.396	527.819	411.578
Công ty CP TM&DV STS Việt Nam	1.808.826	1.808.826	-	1.808.826	1.808.826	-
Các khách hàng khác	2.347.770	1.503.312	844.458	4.380.500	2.804.268	1.576.232
Trả trước cho người bán	6.643.966	6.643.966	-	6.643.966	4.691.747	1.952.219
Công ty CP Thương mại Toàn Lực	6.507.396	6.507.396	-	6.507.396	4.555.177	1.952.219
Nhà cung cấp khác	136.570	136.570	-	136.570	136.570	-
Phải thu khác	-	-	-	547.151	273.575	273.575
Cộng	74.269.462	52.166.798	22.102.664	71.367.823	55.279.746	16.088.077

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Phải thu khách hàng	Trả trước cho người bán	Phải thu khác	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2024	50.314.423.531	4.691.747.133	273.575.343	55.279.746.007
Trích dự phòng trong năm	898.271.281	1.952.218.784	-	2.850.490.065
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(5.689.863.104)	-	(273.575.343)	(5.963.438.447)
Tại ngày 31/12/2024	45.522.831.708	6.643.965.917	-	52.166.797.625

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	4.802.336.758	-	4.325.258.554	-
Hàng hóa	278.911.988.056	-	302.873.297.540	-
Cộng	283.714.324.814	-	307.198.556.094	-

Hàng tồn kho là giấy các loại của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem tại thuyết minh số 26).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
12.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	214.467.058	88.801.399
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	69.864.824	21.697.863
Chi phí khác	144.602.234	67.103.536
12.2 Chi phí trả trước dài hạn	1.488.701.843	1.087.298.175
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	1.072.901.465	512.775.830
Chi phí sửa chữa	236.897.555	552.199.907
Chi phí khác	178.902.823	22.322.438
Tổng cộng	1.703.168.901	1.176.099.574

13. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

	31/12/2024	01/01/2024
Thuế GTGT còn được khấu trừ tại Công ty mẹ	4.877.916.255	4.536.131.643
Thuế GTGT còn được khấu trừ tại Công ty con	-	103.024.195
Cộng	4.877.916.255	4.639.155.838

14. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
Bên liên quan	-	-
Bên khác	-	29.600.000.000
- Công ty Cổ phần Tac Paritas	-	29.600.000.000
Cộng	-	29.600.000.000

Cho Công ty Cổ phần Tac Paritas vay theo Hợp đồng 01/HĐVV/VĐ-PA ngày 01/02/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn, lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay này đã được tất toán trong năm.

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2024	93.238.133.264	10.580.119.515	12.764.405.158	2.528.033.307	119.110.691.244
Đầu tư hoàn thành	4.587.527.399	209.430.700	1.342.000.000	43.000.000	6.181.958.099
Thanh lý	-	(60.000.000)	(214.800.000)	-	(274.800.000)
Tại 31/12/2024	97.825.660.663	10.729.550.215	13.891.605.158	2.571.033.307	125.017.849.343
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2024	51.707.538.904	10.019.303.817	7.030.676.107	2.528.033.307	71.285.552.135
Trích khấu hao	6.939.605.456	477.451.803	583.307.811	11.944.440	8.012.309.510
Thanh lý	-	(60.000.000)	(207.691.303)	-	(267.691.303)
Tại 31/12/2024	58.647.144.360	10.436.755.620	7.406.292.615	2.539.977.747	79.030.170.342
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2024	41.530.594.360	560.815.698	5.733.729.051	-	47.825.139.109
Tại 31/12/2024	39.178.516.303	292.794.595	6.485.312.543	31.055.560	45.987.679.001

Tại 31/12/2024, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 35.662.176.542 VND.

16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm ứng dụng	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại 01/01/2024	18.751.415.355	7.726.577.193	452.034.723	26.930.027.271
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(18.751.415.355)	-	-	(18.751.415.355)
Tại 31/12/2024	-	7.726.577.193	452.034.723	8.178.611.916
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2024	-	2.888.910.197	452.034.723	3.340.944.920
Trích khấu hao	-	198.117.360	-	198.117.360
Tại 31/12/2024	-	3.087.027.557	452.034.723	3.539.062.280
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2024	18.751.415.355	4.837.666.996	-	23.589.082.351
Tại 31/12/2024	-	4.639.549.636	-	4.639.549.636

Quyền sử dụng đất có thời hạn tại thửa đất số 338 (diện tích 8.940,3 m²) tại Lô A2-8 đường N5, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại 31/12/2024, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 452.034.723 VND.

17. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại 01/01/2024	-	-	-
Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình	18.751.415.355	-	18.751.415.355
Trích khấu hao	-	-	-
Tại 31/12/2024	18.751.415.355	-	18.751.415.355

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất ở đô thị thời hạn lâu dài tại các thửa đất số 174, 180, 181, 182 (tổng diện tích 1.062,4 m²) tại Lô số 174-180-181-182, Khu 10, Khu đô thị mới Vĩnh Hòa, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với mục đích nắm giữ chờ tăng giá, không trích khấu hao.

18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Công ty liên kết	01/01/2024	Phản lãi/lỗ trong công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận được chia	Tăng/(giảm) vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	31/12/2024
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	45.000.000.000	-	-	-	45.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	102.021.577.647	11.218.947.236	(10.562.041.500)	(81.351.441)	102.597.131.942
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	27.326.079.819	657.483.862	(933.359.500)	(74.339.627)	26.975.864.554
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	87.163.270.766	10.048.823.144	(10.596.300.000)	-	86.615.793.910
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	5.301.150.524	309.251.248	-	-	5.610.401.772
Cộng	266.812.078.756	22.234.505.490	(22.091.701.000)	(155.691.068)	266.799.192.178

Giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 01/01/2024 đã được điều chỉnh lại như sau (thuyết minh số 43):

Công ty liên kết	Bảo cáo tài chính hợp nhất (đã công bố)		Điều chỉnh lại	
	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	79.402.127.855	78.374.678.285	102.021.577.647	91.710.597.956
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	25.822.543.318	25.972.643.591	27.326.079.819	27.516.125.198
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	62.104.973.833	59.235.199.315	87.163.270.766	85.665.124.648
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	6.582.037.373	6.351.895.406	5.301.150.524	5.141.831.133
Cộng	218.911.682.379	214.934.416.597	266.812.078.756	255.033.678.935

19. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2024				01/01/2024		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tac Paritas	7,50%	80.000.000.000	-	7,50%	80.000.000.000	-	-
Công ty CP Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	10,09%	60.855.440.000	-	10,09%	60.855.440.000	-	-
Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	13,87%	416.000.000	416.000.000	13,87%	416.000.000	416.000.000	416.000.000
Công ty CP Ứng dụng Khoa học Tâm lý Hồn Việt	15,00%	337.500.000	337.500.000	15,00%	337.500.000	337.500.000	337.500.000
Cộng		141.608.940.000	753.500.000		141.608.940.000	753.500.000	

Tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Tac Paritas và Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ lần lượt là 14,69% và 13,32%. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An và Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm lý Hồn Việt bằng với tỷ lệ sở hữu.

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh do mua công ty con.

	Năm 2024	Năm 2023
Tại 01/01		
Nguyên giá (giá gốc)	8.900.746.732	8.900.746.732
Phân bổ lũy kế	(6.230.522.711)	(5.340.448.038)
Giá trị còn lại	2.670.224.021	3.560.298.694
Phát sinh trong năm	-	-
Phân bổ trong năm	(890.074.674)	(890.074.673)
Tại 31/12		
Nguyên giá (giá gốc)	8.900.746.732	8.900.746.732
Phân bổ lũy kế	(7.120.597.385)	(6.230.522.711)
Giá trị còn lại	1.780.149.347	2.670.224.021

21. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
Bên liên quan	-	-
Nhà cung cấp khác	91.140.838.900	262.823.435.345
- Công ty Moorim P&P Korea	24.625.821.541	63.672.292.083
- Công ty Gold East Trading (HK)	18.892.132.172	32.479.936.480
- Công ty NP International (s) Japan	23.676.729.646	21.364.852.744
- Kleannara Co., Ltd Korea	11.009.000.443	6.713.215.499
- Công ty UPM Asia Pacific Finland	-	53.123.164.938
- Công ty April International Enterprise Indonesia	-	16.646.113.171
- Công ty Central National Asia Brazil	-	12.102.130.402
- Công ty Hokuetsu Corporation Japan	-	11.806.973.713
- Công ty Cổ phần Tac Paritas	-	9.642.944.422
- Các khách hàng khác	12.937.155.098	35.271.811.893
Cộng	91.140.838.900	262.823.435.345

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
Bên liên quan	-	-
Khách hàng khác	349.983.633	16.056.556.195
- Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Long An	-	6.519.447.000
- Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ	-	5.535.638.395
- Báo Tuổi trẻ	-	3.996.290.400
- Các khách hàng khác	349.983.633	5.180.400
Total	349.983.633	16.056.556.195

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp Nhà nước của Nhóm Công ty trong năm như sau :

	01/01/2024		Số phát sinh trong năm		31/12/2024	
	Phải thu (a)	Phải nộp (b)	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu (a)	Phải nộp (b)
	ĐVT: 1.000 VND		ĐVT: 1.000 VND		ĐVT: 1.000 VND	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	3.140.788	-	-	3.140.788
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	48.175.525	48.175.525	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.939.169	2.939.169	-	-
Thuế TNDN (*)	-	2.581.830	256.898	1.140.626	62.504	1.760.607
Thuế TNCN	-	104.969	1.619.481	1.618.573	-	105.877
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	3.526.288	3.526.288	-	-
Thuế, phí khác	-	-	6.000	6.000	-	-
Cộng		2.686.799	59.664.148	57.406.180	62.504	5.007.272

- (a) Số thuế nộp thừa (phải thu) được trình bày tại chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".
- (b) Số thuế phải nộp được trình bày tại chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước".
- (*) Số thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước tại Chi nhánh Bình Dương thuộc Công ty mẹ không phải nộp được ghi giảm vào số thuế phải nộp trong năm số tiền 1.503.708.853 VND.

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")

Các công ty trong Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ là 5%, 8% và 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Nhóm Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Xem thuyết minh 4.20 và số 38.

Các loại thuế khác và các khoản phải nộp khác

Các công ty trong Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Nhóm Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của các công ty trong Nhóm Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí lãi vay phải trả	820.499.573	439.699.142
Chi phí khác	1.040.000	109.621.660
Cộng	821.539.573	549.320.802

25. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
25.1 Phải trả ngắn hạn khác	779.404.519	9.069.798.441
<i>Bên liên quan</i>	-	8.211.726.027
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông (cổ tức)	-	8.000.000.000
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông (lãi vay)	-	211.726.027
<i>Bên khác</i>	779.404.519	858.072.414
- Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm bắt buộc	679.345.150	518.829.591
- Các khoản ký quỹ, ký cược	-	186.300.000
- Các khoản phải trả khác	100.059.369	152.942.823
25.2 Phải trả dài hạn khác	186.300.000	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược	186.300.000	-
Cộng	779.404.519	9.069.798.441

26. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2024	Vay trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Phân loại đến hạn trả	31/12/2024
Vay ngắn hạn	295.593.158.283	965.731.129.279	(919.478.134.392)	500.000.000	342.346.153.170
BIDV (a)	223.888.728.802	815.234.604.445	(766.937.940.968)	-	272.185.392.279
Sacombank (b)	71.704.429.481	150.496.524.834	(152.540.193.424)	-	69.660.760.891
Công ty Thanh Trúc (e)	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Vay dài hạn	14.000.000.000	52.900.000.000	(55.700.000.000)	(500.000.000)	10.700.000.000
Savitech (c)	12.000.000.000	10.000.000.000	(22.000.000.000)	-	-
Công ty Việt Mỹ (d)	-	40.400.000.000	(32.200.000.000)	-	8.200.000.000
Công ty Thanh Trúc (e)	2.000.000.000	2.500.000.000	(1.500.000.000)	(500.000.000)	2.500.000.000
Tổng cộng	309.593.158.283	1.018.631.129.27	(975.178.134.392)	-	353.046.153.170

Thông tin chính về các khoản vay như sau:

- (a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quận 3 ("BIDV") với hạn mức vay là 600 tỷ VND, thời hạn vay là không quá 6 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ, lãi suất tại thời điểm 31/12/2024 dao động từ 4,5%/năm đến 5,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp các tài sản bao gồm các lô hàng nhập khẩu để bảo đảm mở L/C tại từng thời điểm, các bất động sản của bên thứ ba và cầm cố các tài khoản tiền gửi tiết kiệm của Nhóm Công ty tại BIDV với tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu 50% tổng dư nợ, bảo lãnh và phát hành L/C tại mọi thời điểm.
- (b) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Quận 5 ("Sacombank") với hạn mức tín dụng là 112,219 tỷ VND và hạn mức LC trả ngay là 1.500.000 USD, thời hạn vay là không quá 6 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ, lãi suất tại thời điểm 31/12/2024 dao động từ 6,6%/năm đến 6,9%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là các Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là ông Bùi Quang Mẫn - bà Nguyễn Thị Thu; thế chấp hàng hóa là giấy các loại thuộc sở hữu của Nhóm Công ty - giấy nhập khẩu hoặc mua nội địa với sự tài trợ của Sacombank.

- (c) Khoản vay của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông ("Savitech", Bên liên quan) theo Hợp đồng vay số 01/07/2023/HĐVV ngày 31/07/2023 và số 02/03/2024/HĐVV ngày 25/03/2024, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay 24 tháng từ ngày nhận được tiền vay, lãi suất 7%/năm. Khoản vay đã tất toán trong năm.
- (d) Vay Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ ("Công ty Việt Mỹ", Bên liên quan) theo hợp đồng vay vốn số 01/07/HĐVV/2024/GIẤY-TOÀN LỰC ngày 01/07/2024 với số tiền vay là 26 tỷ VND; mục đích vay vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại từ nhập khẩu hoặc mua bán, sản xuất trong nước, tiêu thụ trong nước dưới dạng giấy cuộn ram; thời hạn 24 tháng kể từ ngày 01/07/2024 đến ngày 01/07/2026; lãi suất vay là 7%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (e) Vay Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn hóa Thanh Trúc ("Công ty Thanh Trúc") theo các hợp đồng vay vốn số 01.2022/HĐVV ngày 27/11/2022 và 01.2023/HĐVV ngày 21/08/2023 với tổng tiền vay là 2 tỷ VND; mục đích vay vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại từ nhập khẩu hoặc mua bán, sản xuất trong nước, tiêu thụ trong nước dưới dạng giấy cuộn ram; thời hạn 24 tháng kể từ ngày nhận được tiền vay; lãi suất vay là 7%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

27. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	Năm 2024	Năm 2023
Tại 01/01	2.929.432.742	3.152.172.036
Trích từ lợi nhuận sau thuế	-	198.190.706
Chi khen thưởng, phúc lợi	(463.320.000)	(420.930.000)
Tại 31/12	2.466.112.742	2.929.432.742

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

28.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: 1.000 VND							
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Tại 01/01/2023 (*)	408.360.690	5.032.672	3.367.760	10.844.948	75.997.062	120.713.049	624.316.180
Cổ đông góp vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	57.540.638	57.540.638
Lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	-	-	28.188.095	17.920.997	46.109.092
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.418.035)	(11.282.479)	(31.700.514)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(198.191)	-	(198.191)
Giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-	-	-	(70.823)	(140.894)	(13.495)	(225.212)
Tại 31/12/2023 (*)	408.360.690	5.032.672	3.367.760	10.774.126	83.428.037	184.878.710	695.841.994
Tại 01/01/2024 (*)	408.360.690	5.032.672	3.367.760	10.774.126	83.428.037	184.878.710	695.841.994
Lợi nhuận sau thuế năm 2024	-	-	-	-	6.944.860	2.662.978	9.607.838
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.418.035)	(16.923.719)	(37.341.753)
Giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-	-	-	-	(140.980)	(14.711)	(155.691)
Tại 31/12/2024	408.360.690	5.032.672	3.367.760	10.774.126	69.813.882	170.603.258	667.952.387

(*) Số liệu tại ngày 01/01/2023 và ngày 01/01/2024 đã được điều chỉnh và trình bày lại (thuyết minh số 43).

28.2 Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.836.069	40.836.069
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.836.069	40.836.069
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.836.069	40.836.069
Toàn bộ cổ phiếu là cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.		

28.3 Cổ tức

Cổ tức tại Công ty mẹ		
Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01.24NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024, Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ thông qua việc chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ bằng 5% mệnh giá cổ phần, tương đương số tiền là 20.418.034.500 VND. Khoản cổ tức này đã được chi trả hết trong năm.		
Cổ tức tại công ty con		
Công ty con chia cổ tức theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của công ty con.		

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	3.921,15	144.008,73
Euro (EUR)	20,00	20,00

30. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

30.1 Tổng doanh thu

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng doanh thu	1.188.877.855.220	1.312.326.023.917
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.188.877.855.220	1.312.326.023.917
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	954.662.473.724	1.079.890.937.209
Doanh thu bán thành phẩm	225.244.297.716	225.459.451.567
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.971.083.780	6.975.635.141

30.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2024	Năm 2023
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	96.345.083.560	68.117.107.775
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	-	36.332.398.534
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	7.856.920.839	2.623.776.211
Cộng	104.202.004.399	107.073.282.520

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn của hàng hóa	893.694.887.907	991.258.693.786
Giá vốn của thành phẩm	218.250.627.283	217.253.440.851
Giá vốn của dịch vụ	3.880.127.268	3.140.780.905
Dự phòng (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(546.000.000)
Cộng	1.115.825.642.458	1.211.106.915.542

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	4.505.365.887	8.132.020.100
Cổ tức được chia	5.995.220.000	8.995.220.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.698.681.046	1.173.437.271
Doanh thu tài chính khác	145.182.234	-
Cộng	12.344.449.167	18.300.677.371

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	18.436.531.892	21.229.616.434
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.946.855.919	8.870.146.188
Cộng	28.383.387.811	30.099.762.622

34. PHÂN LÃI HOẶC LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Phần lãi hoặc lỗ trong lợi nhuận sau thuế tính theo tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại các công ty liên kết:		
	Năm 2024	Năm 2023
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	11.218.947.236	10.392.331.133
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	657.483.862	805.535.454
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	10.048.823.144	13.860.496.117
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	309.251.248	240.958.273
Cộng	22.234.505.490	25.299.320.977

35. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí cho nhân viên	1.637.700.000	2.007.156.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	29.163.383.398	30.822.152.284
Cộng	30.801.083.398	32.829.308.284

36. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí cho nhân viên	16.552.573.044	14.267.522.966
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	506.869.638	219.407.177
Chi phí khấu hao tài sản cố định và lợi thế thương mại	5.220.374.276	4.397.012.442
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng nợ khó đòi	(3.112.948.382)	(1.623.467.132)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.300.529.073	10.471.739.601
Chi phí bằng tiền khác	13.078.639.244	6.292.422.930
Cộng	40.546.036.893	34.024.637.984

37. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
Thu tiền bồi thường	851.008.373	6.050.007.266
Lãi thanh lý tài sản cố định	12.891.303	73.527.749
Xử lý các khoản nợ	2.238.850.177	-
Các khoản thu nhập khác	415.775.416	161.086.699
Cộng	3.518.525.269	6.284.621.714

38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty con	1.760.606.528	6.639.488.335
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.760.606.528	6.639.488.335

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU / LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	6.944.859.749	28.188.094.552
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.944.859.749	28.188.094.552
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	40.836.069	40.836.069
Lãi cơ bản trên cổ phiếu / Lãi suy giảm trên cổ phiếu	170	690

(*) Nhóm Công ty không ước tính số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 do việc trích quỹ từ lợi nhuận chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

40. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.664.195.715	236.693.337.854
Chi phí nhân công	13.684.026.454	20.027.598.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.100.501.544	7.537.793.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.540.538.471	41.298.231.800
Chi phí khác bằng tiền	9.965.690.862	5.961.662.742
Cộng	293.954.953.046	311.518.624.333

41. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Thông tin về tài sản và công nợ và kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

41.1 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Kinh doanh các sản phẩm từ giấy	Quản lý chung	Cộng
Tài sản	642.353.420.468	479.396.571.087	1.121.749.991.555
Nợ phải trả	450.578.576.646	3.219.027.782	453.797.604.428
Tài sản thuần	191.774.843.822	476.177.543.305	667.952.387.127
Doanh thu thuần	1.179.906.771.440	8.971.083.780	1.188.877.855.220
Doanh thu tài chính và lãi trong công ty liên kết	5.846.684.871	28.732.269.786	34.578.954.657
Thu nhập khác	1.974.852.513	1.543.672.756	3.518.525.269
Tổng doanh thu, thu nhập	1.187.728.308.824	39.247.026.322	1.226.975.335.146
Giá vốn hàng bán	1.111.945.515.190	3.880.127.268	1.115.825.642.458
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	45.192.551.990	26.154.568.301	71.347.120.291
Chi phí tài chính và lỗ trong công ty liên kết	28.383.387.811	-	28.383.387.811
Chi phí khác	49.655.260	1.085.143	50.740.403
Tổng chi phí	1.185.571.110.251	30.035.780.712	1.215.606.890.963
Lợi nhuận kế toán	2.157.198.573	9.211.245.610	11.368.444.183
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và lợi thế thương mại	1.333.192.855	7.767.308.689	9.100.501.544
Tổng chi phí để mua TSCĐ	1.650.894.070	4.573.164.029	6.224.058.099

41.2 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Kinh doanh các sản phẩm từ giấy	Quản lý chung	Cộng
Tài sản	795.895.090.825	504.357.823.963	1.300.252.914.788
Nợ phải trả	599.488.696.017	4.922.225.231	604.410.921.248
Tài sản thuần	196.406.394.808	499.435.598.732	695.841.993.540
Doanh thu thuần	1.305.350.388.776	6.975.635.141	1.312.326.023.917
Doanh thu tài chính và lãi trong công ty liên kết	6.288.451.473	37.311.546.875	43.599.998.348
Thu nhập khác	6.159.400.635	125.221.079	6.284.621.714
Tổng doanh thu, thu nhập	1.317.798.240.884	44.412.403.095	1.362.210.643.979
Giá vốn hàng bán	1.207.966.134.637	3.140.780.905	1.211.106.915.542
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	43.574.949.978	23.278.996.290	66.853.946.268
Chi phí tài chính và lỗ trong công ty liên kết	30.099.762.622	-	30.099.762.622
Chi phí khác	49.655.260	1.351.784.432	1.401.439.692
Tổng chi phí	1.281.690.502.497	27.771.561.627	1.309.462.064.124
Lợi nhuận kế toán	36.107.738.387	16.640.841.468	52.748.579.855
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và lợi thế thương mại	998.749.102	6.539.044.245	7.537.793.347
Tổng chi phí để mua TSCĐ	3.994.793.741	7.608.868.862	11.603.662.603

42. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Nhóm Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cổ đông lớn và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm lý Hồn Việt	Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên gia đình của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của Thành viên quản lý chủ chốt

42.1 Thu nhập của Thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được hưởng trong năm tại Công ty mẹ như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Thù lao của Hội đồng quản trị	660.000.000	660.000.000
Ông Bùi Quang Khoa - Chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Ông Bùi Quang Minh - Phó Chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Ông Trần Hoàng Nghĩa - Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thị Phương Mai - Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Phạm Tất Phú - Thành viên	60.000.000	60.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát	132.000.000	132.000.000
Bà Lê Thị Minh Giang - Trưởng ban	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Trần Thị Tình - Thành viên	36.000.000	36.000.000
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (được chi trả tại Công ty mẹ và công ty con)	3.400.599.318	2.434.398.636
Ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc	1.262.693.653	1.412.923.076
Bà Nguyễn Thị Thu - Phó Tổng Giám đốc	1.541.480.280	514.975.560
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên - Kế toán trưởng	596.425.385	506.500.000
Tổng cộng	4.192.599.318	3.226.398.636

42.2 Giao dịch giữa Nhóm Công ty với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu giữa Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông		
Vay tiền	10.000.000.000	12.000.000.000
Trả tiền vay	22.000.000.000	-
Lãi vay phải trả	1.285.775.344	333.698.639
Trả tiền lãi vay	1.497.501.371	121.972.603
Cổ tức phải trả	12.362.400.000	8.241.600.000
Cổ tức đã trả	20.362.400.000	241.600.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	67.334.298.381
Nhận góp vốn tại công ty con	-	42.032.160.000
Nhận tiền cổ tức được chia	10.562.041.500	-
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô		
Cổ tức được chia và thu tiền cổ tức được chia	933.359.500	933.359.500
Bán hàng hóa và dịch vụ	96.345.083.560	80.673.941.375
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt		
Nhận tiền cổ tức được chia	10.596.300.000	12.263.350.000
Cho vay	-	400.000.000
Vay tiền	-	9.200.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ		
Nhận tiền cổ tức được chia	5.995.220.000	5.995.220.000
Chi trả tiền cổ tức	4.129.318.500	2.752.879.000
Giá trị được hưởng từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	7.856.920.839	5.306.877.273
Mua hàng hóa và dịch vụ	831.205.766	463.756.324
Vay tiền	40.400.000.000	18.700.000.000
Trả lãi vay	385.536.986	199.221.918
Cho vay	10.000.000.000	1.000.000.000
Thu lãi cho vay	187.197.261	4.506.849
Nhận góp vốn tại công ty con	-	14.039.677.800
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực		
Thu tiền bán hàng	1.500.000.000	-
Ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc		
Cho mượn tiền và thu hồi tiền cho mượn	-	160.550.000
Mượn tiền và trả tiền mượn	-	2.123.550.000

42.3 Công nợ giữa Nhóm Công ty với các bên liên quan

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông		
Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 25)	-	8.000.000.000
Lãi vay phải trả (Thuyết minh số 25)	-	211.726.027
Nợ vay phải trả (Thuyết minh số 26)	-	12.000.000.000

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô		
Phải thu tiền bán hàng và dịch vụ (Thuyết minh số 7)	7.691.457.600	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ		
Phải thu từ hợp tác kinh doanh (thuyết minh số 7)	4.540.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực		
Phải thu tiền bán hàng và dịch vụ (Thuyết minh số 7)	25.959.970.801	27.459.970.801
Trả trước tiền mua hàng (Thuyết minh số 8)	6.507.395.948	6.507.395.948

43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Sau khi rà soát số liệu tài chính tại các công ty liên kết, công ty nhận vốn đầu tư tài chính khác và số liệu các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã công bố, Ban Tổng Giám đốc quyết định điều chỉnh hồi tố và trình bày lại số liệu một số chỉ tiêu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 ("BCTCHN 2023") đã được công bố. Các chỉ tiêu bị ảnh hưởng bởi điều chỉnh hồi tố được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 ("BCTCHN 2024") như sau:

	Mã số	Số liệu trên BCTCHN 2023 (đã công bố)	Số liệu so sánh trên BCTCHN 2024 (trình bày lại)	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	218.911.659.594	266.812.078.756	47.900.419.162
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(337.500.000)	(753.500.000)	(416.000.000)
Thặng dư vốn cổ phần	412	3.254.265.000	5.032.671.673	1.778.406.673
Vốn khác của chủ sở hữu	414	2.967.606.986	3.367.759.813	400.152.827
Quỹ đầu tư phát triển	418	8.425.799.489	10.774.125.649	2.348.326.160
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	105.844.658	-	(105.844.658)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	25.581.576.837	55.239.942.150	29.658.365.313
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	21.271.440.348	28.188.094.552	6.916.654.204
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	178.390.351.060	184.878.709.703	6.488.358.643
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Giá vốn hàng bán	11	1.207.966.134.637	1.211.106.915.542	3.140.780.905
Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	17.272.975.282	25.299.320.977	8.026.345.695
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37.165.418.889	34.024.637.984	(3.140.780.905)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	44.722.234.160	52.748.579.855	8.026.345.695
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	38.082.745.825	46.109.091.520	8.026.345.695
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	21.271.463.133	28.188.094.552	6.916.631.419
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	16.811.282.692	17.920.996.968	1.109.714.276
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	516	690	174
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	516	690	174

	Mã số	Số liệu trên BCTCHN 2023 (đã công bố)	Số liệu so sánh trên BCTCHN 2024 (trình bày lại)	Chênh lệch
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Lợi nhuận trước thuế	01	44.722.234.160	52.748.579.855	8.026.345.695
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(30.492.943.139)	(38.519.288.834)	(8.026.345.695)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	64.380.460.743	6.839.822.943	(57.540.637.800)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	57.540.637.800	57.540.637.800

44. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính chủ yếu của Nhóm Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, cho vay, phải thu khác, đầu tư tài chính, phải trả người bán, các khoản nợ phải trả khác, các khoản vay và nợ. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Nhóm Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Nhóm Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và nợ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Nhóm Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán) và các khoản vay có gốc ngoại tệ.

Nhóm Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về ngoại hối.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro ngoại hối bằng các xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Nhóm Công ty mua bán sản phẩm, nguyên vật liệu, dịch vụ và vay vốn có gốc ngoại tệ trong tương lai.



Rủi ro về giá hàng hóa

Nhóm Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Nhóm Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Đầu tư tài chính và cho vay

Nhóm Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản đầu tư và cho vay là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay và nợ ở mức mà Nhóm Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Đến 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2024			
Phải trả người bán	262.823.435.345	-	262.823.435.345
Chi phí phải trả	549.320.802	-	549.320.802
Các khoản phải trả khác	9.069.798.441	-	9.069.798.441
Vay và nợ thuê tài chính	295.593.158.283	14.000.000.000	309.593.158.283
Cộng	568.035.712.871	14.000.000.000	582.035.712.871
Tại ngày 31/12/2024			
Phải trả người bán	91.140.838.900	-	91.140.838.900
Chi phí phải trả	821.539.573	-	821.539.573
Các khoản phải trả khác	779.404.519	186.300.000	965.704.519
Vay và nợ thuê tài chính	342.346.153.170	10.700.000.000	353.046.153.170
Cộng	435.087.936.162	10.886.300.000	445.974.236.162

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức kiểm soát được. Nhóm Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính và từ các nguồn vốn huy động khác.

45. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ (ĐVT: 1.000 VND)				Giá trị hợp lý (ĐVT: 1.000 VND)	
	31/12/2024		01/01/2024		31/12/2024	01/01/2024
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.472.355	-	97.104.997	-	59.472.355	97.104.997
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	59.800.259	-	84.638.808	-	59.800.259	84.638.808
Cho vay	-	-	29.600.000	-	-	29.600.000
Phải thu khách hàng	265.061.519	(45.522.832)	324.410.715	(50.314.424)	219.538.687	274.096.292
Phải thu khác	1.821.819	-	3.464.578	(273.575)	1.821.819	3.191.002
Đầu tư tài chính	141.608.940	(753.500)	141.608.940	(753.500)	140.855.440	140.855.440
Cộng	527.764.892	(46.276.332)	680.828.037	(51.341.499)	481.488.560	629.486.539

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024
Phải trả người bán	91.140.838.900	262.823.435.345	91.140.838.900	262.823.435.345
Chi phí phải trả	821.539.573	549.320.802	821.539.573	549.320.802
Các khoản phải trả khác	965.704.519	9.069.798.441	965.704.519	9.069.798.441
Vay và nợ thuê tài chính	353.046.153.170	309.593.158.283	353.046.153.170	309.593.158.283
Cộng	445.974.236.162	582.035.712.871	445.974.236.162	582.035.712.871

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Nhóm Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản cho vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được Nhóm Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như khả năng trả nợ của từng khách hàng cũng như tính chất rủi ro của dự án tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Nhóm Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng.
- Các khoản vay, tài sản tài chính khác và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay, tài sản tài chính khác và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

46. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất.

47. PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ông Bùi Quang Khoa - Chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho ông Bùi Quang Minh - Tổng Giám đốc phê duyệt và công bố báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Thị Thùy Tiên
Kế toán trưởng
Người lập


Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Bùi Quang Khoa
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Số 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh



(028) 38428633



(028) 38425880



www.dautuviendong.vn